

HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG



Vũ Phương Anh

**QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG
THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU**

LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH
(Theo định hướng ứng dụng)

HÀ NỘI - 2020

HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG



Vũ Phương Anh

**QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG
THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU**

Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh

Mã số: 8.34.01.01

LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH
(Theo định hướng ứng dụng)

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
PGS. TS. NGUYỄN THỊ MINH AN

HÀ NỘI - 2020

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là luận văn tốt nghiệp được nghiên cứu độc lập của tôi, dưới sự hướng dẫn của PGS.TS. Nguyễn Thị Minh An. Số liệu được nêu trong luận văn là trung thực, các phân tích đánh giá là do tôi thực hiện và chưa từng được công bố cho bất kỳ công trình nào. Nếu phát hiện có bất kỳ sự gian lận nào tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Hội đồng, cũng như kết quả luận văn của mình.

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2020

Người cam đoan

Vũ Phương Anh

LỜI CẢM ƠN

Trước hết, tôi xin gửi lời cảm ơn trân trọng đến Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông và Quý Thầy Cô đã tận tình giúp đỡ tôi hoàn thành chương trình Cao học và viết luận văn này.

Đặc biệt, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến **PGS. TS. Nguyễn Thị Minh An**, người đã dành rất nhiều thời gian và tâm huyết hướng dẫn nghiên cứu để giúp tôi hoàn thành luận văn tốt nghiệp.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng để hoàn thiện luận văn này bằng tất cả sự nhiệt tình và năng lực của mình, tuy nhiên chắc chắn sẽ không thể tránh khỏi những hạn chế và thiếu sót. Rất mong nhận được những đóng góp quý báu của Quý Thầy Cô và các bạn.

Tôi xin trân trọng cảm ơn./.

Tác giả

Vũ Phương Anh

MỤC LỤC

Trang

LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN.....	ii
MỤC LỤC	iii
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	vi
DANH MỤC BẢNG, BIỂU, SƠ ĐỒ	vii
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG	7
1.1 Rủi ro tín dụng tại ngân hàng thương mại.....	7
<i>1.1.1 Khái niệm về rủi ro tín dụng tại ngân hàng thương mại.....</i>	<i>7</i>
<i>1.1.2 Nguyên nhân gây ra rủi ro tín dụng tại ngân hàng thương mại</i>	<i>8</i>
1.1.2.1 Nhóm các nhân tố bên ngoài.....	8
1.1.2.2 Nhóm các nhân tố bên trong ngân hàng.....	9
<i>1.1.3 Hậu quả của rủi ro tín dụng tại ngân hàng thương mại.....</i>	<i>10</i>
1.2 Khái niệm, mục tiêu, yêu cầu đối với quản trị rủi ro tín dụng tại ngân hàng thương mại.....	11
<i>1.2.1 Khái niệm</i>	<i>11</i>
<i>1.2.2 Mục tiêu của quản trị rủi ro tín dụng tại ngân hàng thương mại</i>	<i>12</i>
<i>1.2.3 Một số yêu cầu trong quản trị rủi ro tín dụng tại ngân hàng thương mại</i>	<i>12</i>
1.2.3.1 Trách nhiệm của ban điều hành	12
1.2.3.2 Chiến lược quản trị rủi ro tín dụng	12
1.2.3.3 Tổ chức hoạt động tín dụng	13
1.2.3.4 Quy trình xếp loại rủi ro.....	15
1.2.3.5 Kiểm toán nội bộ và kiểm toán bên ngoài	16
1.3 Nội dung của hoạt động quản trị rủi ro tại ngân hàng thương mại.....	16
<i>1.3.1 Nhận biết rủi ro tín dụng tại ngân hàng thương mại</i>	<i>16</i>
1.3.1.1 Nhóm dấu hiệu phát sinh từ phía khách hàng.....	17
1.3.1.2 Nhóm dấu hiệu phát sinh từ phía ngân hàng.....	18
<i>1.3.2 Đo lường rủi ro tín dụng tại ngân hàng thương mại.....</i>	<i>18</i>
1.3.2.1 Đo lường rủi ro khoản vay	18

1.3.2.2	Đo lường rủi ro danh mục	21
1.3.2.3	Đo lường rủi ro tín dụng tổng thể của ngân hàng	22
1.3.3	<i>Ứng phó rủi ro tín dụng tại ngân hàng thương mại</i>	22
1.3.4	<i>Kiểm soát rủi ro tín dụng tại ngân hàng thương mại</i>	25
1.4	Kinh nghiệm quản trị rủi ro tín dụng tại một số NHTM và kinh nghiệm cho ACB	25
1.4.1	<i>Kinh nghiệm quản trị RRTD tại một số NHTM</i>	22
1.4.2	<i>Bài học kinh nghiệm cho ngân hàng Á Châu</i>	25
Chương 2: THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG TMCP ACB		28
2.1	Giới thiệu về Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu	28
2.1.1	<i>Lịch sử hình thành và phát triển</i>	28
2.1.2	<i>Mô hình tổ chức</i>	30
2.1.3	<i>Tình hình hoạt động tín dụng tại Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu 2017-2019</i>	31
2.2	Thực trạng hoạt động quản trị rủi ro tín dụng tại ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu	34
2.2.1	<i>Thực trạng hoạt động tín dụng tại ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu từ năm 2017-2019</i>	34
2.2.1.1	Tình hình tăng trưởng tín dụng của Ngân hàng Á Châu	34
2.2.1.2	Cơ cấu phân loại tín dụng của ngân hàng TMCP Á Châu	35
2.2.2	<i>Thực trạng quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu</i>	38
2.2.2.1	Nhận biết rủi ro tín dụng	38
2.2.2.2	Đo lường rủi ro tín dụng	42
2.2.2.3	Ứng phó rủi ro tín dụng	44
2.2.2.4	Kiểm soát rủi ro tín dụng	44
2.3	Nhận xét về quản trị rủi ro tín dụng tại ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu	48
2.3.1	<i>Kết quả đạt được</i>	48
2.3.1.1	Ngân hàng TMCP ACB đã xây dựng cơ chế, chính sách cho vay và quản trị rủi ro tín dụng	48

2.3.1.2	Xây dựng bộ phận quản trị rủi ro tín dụng và áp dụng xếp hạng tín dụng định kỳ.	48
2.3.1.3	Cơ cấu tín dụng hợp lý, nợ xấu ở mức thấp	49
2.3.1.4	Xây dựng và ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản trị RRTD	49
2.3.1.5	Triển khai áp dụng chuẩn Basel II trong quản trị rủi ro tín dụng	50
2.3.2	Tồn tại và nguyên nhân	50
2.3.2.1	Tồn tại trong công tác quản trị rủi ro tại ACB	50
	Công tác giám sát sau cho vay chưa đạt hiệu quả kỳ vọng của Ngân hàng.	53
2.3.2.2	Nguyên nhân dẫn đến những tồn tại trong công tác quản trị rủi ro tại ACB	54
	Toc55140556	
Chương 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU		58
3.1	Định hướng phát triển tín dụng của ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu giai đoạn 2020-2025	58
3.1.1	<i>Định hướng phát triển tín dụng của ngân hàng TMCP Á Châu trong năm 2020</i>	58
3.1.2	<i>Định hướng phát triển tín dụng của ngân hàng TMCP Á Châu trong giai đoạn 2021-2025</i>	58
3.2	Một số giải pháp hoàn thiện quản trị rủi ro tín dụng tại ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu	59
3.2.1	<i>Giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực</i>	60
3.2.2	<i>Các giải pháp nâng cao tính tuân thủ quy trình quản trị rủi ro tín dụng</i>	61
3.3	Kiến nghị	66
3.3.1	<i>Kiến nghị với Ngân hàng Nhà Nước</i>	66
3.3.2	<i>Kiến nghị với các ban ngành có liên quan</i>	68
KẾT LUẬN		70
TÀI LIỆU THAM KHẢO		72

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Tên đầy đủ
ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu
BCTC	Báo cáo tài chính
BCTN	Báo cáo thường niên
DPRR	Dự phòng rủi ro
HO	Hội sở chính
KHDN	Khách hàng doanh nghiệp
KHCN	Khách hàng cá nhân
NHNN	Ngân hàng Nhà nước
NHTW	Ngân hàng Trung ương
NQH	Nợ quá hạn
QTRR	Quản trị rủi ro
RRTD	Rủi ro tín dụng
TCTD	Tổ chức tín dụng
TMCP	Thương mại cổ phần
TSBĐ	Tài sản bảo đảm
TSTC	Tài sản thế chấp

DANH MỤC BẢNG, BIỂU, SƠ ĐỒ

Bảng 1.1: Xếp hạng doanh nghiệp của Moody's.....	24
Bảng 2.1: Tình hình tài chính của ACB 2019.....	34
Bảng 2.2: Các chỉ tiêu tài chính	35
Bảng 2.3: Cơ cấu cho vay theo loại hình cho vay (nguồn: BCTN ACB 2019).....	37
Bảng 2.4: Cơ cấu theo đối tượng cho vay (nguồn: BCTN ACB 2019)	38
Bảng 2.5: Cơ cấu theo chất lượng nợ cho vay (nguồn: BCTN ACB 2019)	38
Bảng 2.6: Cơ cấu theo kỳ hạn cho vay (nguồn: BCTN ACB 2019).....	39
Bảng 2.7: Cơ cấu theo loại tiền tệ (nguồn: BCTN ACB 2019)	39
Bảng 2.8: Bảng xếp hạng khách hàng	46
Bảng 2.9: Tỷ lệ trích lập dự phòng	48
Bảng 3.1: Mục tiêu tài chính tín dụng chủ yếu năm 2020	60
Bảng 3.2: Mục tiêu tài chính tín dụng chủ yếu năm 2021-2025	61
 Hình 2.1: Cơ cấu tổ chức hoạt động tại ACB	 33
Hình 2.2: Tăng trưởng dư nợ cho vay của Ngân hàng ACB qua các năm	36
 Sơ đồ 2.1: Quy trình tiếp nhận và cấp tín dụng cho khách hàng tại ACB	 41
Sơ đồ 2.2: Quy trình chấm điểm và xếp hạng tín dụng khách hàng	45

MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết nghiên cứu đề tài

Hoạt động tín dụng là hạng mục kinh doanh trọng yếu của ngân hàng thương mại (NHTM) và đem lại nguồn thu nhập chủ yếu cho các NHTM. Song hoạt động này cũng luôn tiềm ẩn nhiều nguy cơ rủi ro cao. Chính vì vậy, NHTM phải thường xuyên thực hiện nhiều biện pháp phù hợp nhằm tăng cường quản lý rủi ro, hạn chế rủi ro trong hoạt động tín dụng.

Trong những năm gần đây, việc thực hiện các cam kết quốc tế về mở cửa thị trường dịch vụ tài chính, các NHTM ở nước ta bên cạnh việc gặp phải những rủi ro của nội tại nền kinh tế trong nước thì còn đối phó với sự cạnh tranh cũng như nhiều loại hình rủi ro khác nhau của khu vực và quốc tế.

Thực tế, trong hoạt động tín dụng của hệ thống NHTM ở nước ta gặp phải những rủi ro lớn từ sự tác động bởi các yếu tố kinh tế như: lạm phát cao, sự phát triển nóng của thị trường bất động sản, thị trường chứng khoán; những yếu kém về quản lý của các Tập đoàn và Tổng công ty nhà nước; diễn biến thiên tai và dịch bệnh đối với sản xuất nông nghiệp... đồng thời cũng bị ảnh hưởng không nhỏ bởi cuộc khủng hoảng tài chính quốc tế và khủng hoảng nợ tại nhiều nước châu Âu, sự kiện Brexit và chiến tranh thương mại Mỹ - Trung. Do tác động bởi các yếu tố khách quan đó, cộng với những yếu kém trong quản trị RRTD của các NHTM dẫn tới tỷ lệ nợ xấu của ngành ngân hàng tăng cao và chậm được xử lý. Thực tế này đòi hỏi các NHTM phải tăng cường quản trị RRTD vì sự phát triển ổn định chung của nền kinh tế cũng như sự phát triển bền vững của mỗi ngân hàng.

ACB là một NHTM có quy mô lớn nhất, có mạng lưới phân bố phủ khắp các tỉnh thành, lợi nhuận chủ yếu từ hoạt động tín dụng, chiếm tỷ trọng trọng yếu trong tổng thu nhập hàng năm. Vì vậy, ACB cũng không là ngoại lệ đối với những rủi ro nói trên. Trong những năm qua, ACB đã thực hiện nhiều biện pháp có tính đồng bộ, triển khai trong toàn hệ thống để tăng cường quản trị RRTD, kiểm soát chặt chẽ chất lượng cho vay, không ngừng hoàn thiện các quy định nội bộ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ tín dụng... Nhưng do nhiều nhân tố khác nhau, trong đó nguyên nhân chủ quan là chủ yếu dẫn đến tỷ lệ nợ xấu có xu hướng gia tăng trong các năm 2013-2015. Đặc biệt là

những yếu kém trong quản trị RRTD đã gây ra “biến cố 2012”, thu nhập của toàn hệ thống tiếp tục bị giảm sút trong các năm 2012 - 2015 và tăng nhẹ trong năm 2014, uy tín bị ảnh hưởng. Không những vậy, năng lực cạnh tranh nói chung, cạnh tranh trong hoạt động tín dụng nói riêng của ACB cũng bị giảm sút trong các năm 2012-2015, sau đó có được phục hồi dần nhưng vẫn còn dư âm trong một bộ phận dư luận, ảnh hưởng đến khả năng đáp ứng vốn tín dụng cho nền kinh tế. (Nguồn: ACB 2014-2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo hoạt động tín dụng)

Xuất phát từ thực tiễn yêu cầu nói trên, tôi chọn đề tài ***“Quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu”*** làm luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh.

2. Tổng quan về vấn đề nghiên cứu

Quản trị rủi ro tín dụng là vấn đề được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu cũng như các nhà lãnh đạo ngân hàng. Ở trong nước, có nhiều công trình nghiên cứu, thảo luận khoa học xung quanh vấn đề quản trị rủi ro nói chung và quản trị rủi ro tín dụng nói riêng, cụ thể:

“Giải pháp nâng cao chất lượng công tác quản trị rủi ro tín dụng tại ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam-khu vực Miền trung Tây Nguyên”, luận văn thạc sĩ kinh tế của tác giả Đỗ Nhật Linh (2016), bảo vệ tại Học viện Ngân hàng.

Đề tài tập trung nghiên cứu chính sách tín dụng nông - lâm nghiệp, thủy sản của BIDV tại các tỉnh miền tỉnh Tây Nguyên là: Lâm Đồng, Đắk Nông, Đắk Lắk, Gia Lai và Kon Tum,... Trong đó, thực trạng tập trung chủ yếu là hoạt động huy động vốn và cho vay giai đoạn 2011 - 2015, dự báo và giải pháp cho giai đoạn đến năm 2015 và tầm nhìn 2020.

Tuy nhiên, luận văn chỉ nghiên cứu về chính sách tín dụng của BIDV đối với khu vực Miền Trung Tây Nguyên, không nghiên cứu chuyên sâu về quản trị RRTD của toàn hệ thống BIDV có tính cập nhật giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế và các biến động kinh tế như chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, sự kiện Brexit,....

“Quản trị rủi ro tín dụng tại ngân hàng thương mại cổ phần Quốc Dân

(*NCB*)", luận văn thạc sĩ kinh tế của tác giả Lương Thu Phương (2017), bảo vệ tại đại học kinh tế - đại học quốc gia Hà Nội.

Đề tài tập trung nghiên cứu chính sách tín dụng tại ngân hàng thương mại cổ phần Quốc Dân. Trong đó, thực trạng tập trung chủ yếu là hoạt động huy động vốn và cho vay giai đoạn 2012 - 2016, dự báo và giải pháp cho giai đoạn đến năm 2017 và tầm nhìn 2022.

Tuy nhiên, luận văn nghiên cứu về chính sách tín dụng của NCB và NCB là một ngân hàng với quy mô nhỏ hoạt động tín dụng còn mang tính chất cục bộ tập trung ở một số ngành nghề và nhóm khách hàng, do đó việc nghiên cứu chưa chuyên sâu về quản trị RRTD của NHTM. Mặt khác, do việc nghiên cứu diễn ra trong giai đoạn 2012-2016 nên chưa có nêu được các biến động kinh tế như chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, sự kiện Brexit,....

"Quản trị rủi ro tín dụng tại Sở giao dịch II ngân hàng Công thương Việt Nam", luận văn thạc sĩ kinh tế của tác giả Nguyễn Thu Trâm (2018), bảo vệ tại Học viện ngân hàng.

Đề tài tập trung nghiên cứu chính sách tín dụng tại Sở giao dịch II – Ngân hàng công thương Việt Nam. Trong đó, thực trạng tập trung chủ yếu là hoạt động huy động vốn và cho vay giai đoạn 2013 - 2017, dự báo và giải pháp cho giai đoạn đến năm 2018 và tầm nhìn 2022.

Tuy nhiên, luận văn chỉ nghiên cứu về chính sách tín dụng của Vietinbank đối với các hoạt động tín dụng tại Sở giao dịch II, chưa nghiên cứu chuyên sâu về quản trị RRTD của toàn hệ thống Vietinbank có tính cập nhật giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế và tác động của các biến động kinh tế trong thời gian hiện nay như chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, sự kiện Brexit,....

Nhìn chung, các luận văn trên đã góp phần quan trọng làm rõ những lí luận cơ bản về quản trị rủi ro tín dụng. Tuy nhiên, các nghiên cứu đề cập trên còn một số hạn chế trong nội dung luận văn được thực hiện đã nêu trên.

Vì vậy, đề tài **“Quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu”** được kế thừa và phát triển nhằm bổ sung phần nghiên cứu về cơ sở lí luận và từ cơ sở lí luận trên vận dụng trong điều kiện thực tiễn thực hiện quản trị

rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu trong thời gian từ năm 2017-2019, từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện hoạt động quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Á Châu.

3. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu nghiên cứu của luận văn là hoàn thiện hoạt động quản trị rủi ro tại ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu. Để đạt được mục tiêu nghiên cứu nêu trên, mục tiêu cụ thể của luận văn là:

- Hệ thống hoá lý luận cơ bản về rủi ro tín dụng và quản trị rủi ro tín dụng của các NHTM.
- Phân tích thực trạng quản trị RRTD của ACB hiện nay, những ưu điểm, những hạn chế, những nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan nào gây nên tình trạng RRTD của ACB trong giai đoạn hiện nay.
- Đề xuất có những giải pháp và kiến nghị sát thực tiễn, có tính khả thi, có cơ sở khoa học,... nhằm hoàn thiện hoạt động quản trị RRTD của ACB.

4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

4.1 Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là: Quản trị rủi ro tín dụng tại ngân hàng thương mại.

4.2 Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung: Quản trị RRTD được nghiên cứu trong luận văn được giới hạn trong phạm vi quản lý rủi ro hoạt động cho vay của NHTM.

Về không gian: Luận văn nghiên cứu lý luận và thực tế hoạt động quản trị RRTD tại Trụ sở chính ACB, kết hợp với khảo sát một số trường hợp rủi ro điển hình tại một số chi nhánh; đánh giá để tìm ra những nguyên nhân gây ra RRTD trong đó làm rõ những nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan của chính ACB, từ đó đề xuất các giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện hoạt động quản trị RRTD tại ACB.

Về thời gian: Thực trạng quản trị RRTD nghiên cứu trong Luận văn được tập trung ở giai đoạn 2017-2019. Một số bảng số liệu và nguồn tài liệu có thể lấy hẹp hơn

để minh chứng cho một số thời điểm cần phân tích và đánh giá có tính chất điển hình, hoặc lấy rộng hơn cả một số năm trước đó để so sánh, nghiên cứu làm rõ xu hướng diễn biến của thực trạng. Tầm nhìn, dự báo và giải pháp cho giai đoạn đến năm 2025.

5. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài sử dụng một số phương pháp nghiên cứu sau:

- Phương pháp phân tích định tính, định lượng để đo lường rủi ro tín dụng đối với một khoản tín dụng hay với danh mục tín dụng trong hoạt động tín dụng của Ngân hàng.
- Phương pháp thống kê, so sánh, phân tích, tổng hợp số liệu các báo cáo thống kê của ngân hàng TMCP Á Châu cũng như các ngân hàng niêm yết trên thị trường chứng khoán cũng như hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam.

6. Kết cấu luận văn

Những đóng góp của Luận Văn: Thông qua việc nghiên cứu lý luận và thực tiễn quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Á Châu. Để đạt được mục tiêu luận văn đã thực hiện một số nội dung sau:

- Qua việc nghiên cứu các khái niệm và quan điểm theo chuẩn mực quốc tế về quản trị rủi ro tín dụng, luận văn đã hệ thống hóa một số vấn đề chung về quản trị rủi ro tín dụng như: khái niệm và quan điểm về quản trị rủi ro tín dụng tại các NHTM.
- Khảo sát thực trạng quản trị rủi ro tín dụng tại ngân hàng TMCP Á Châu trên các góc độ khác nhau như nhận diện rủi ro, đo lường rủi ro, ứng phó và kiểm soát khoản vay. Đưa ra nhận xét về những kết quả đạt được, những tồn tại, từ đó nêu ra nguyên nhân tồn tại trong công tác quản trị rủi ro tín dụng tại ngân hàng TMCP ACB.

Trên cơ sở đó, tác giả đã đưa ra các giải pháp chung như: hoàn thiện cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro, xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, ứng dụng CNTT trong quản trị rủi ro, hoàn thiện hệ thống thông tin tín dụng. Các giải pháp cụ thể được đưa ra phù hợp với nội dung quản trị rủi ro tín dụng từ nhận biết rủi ro, đo lường rủi ro tín dụng, ứng phó và kiểm soát rủi ro tín dụng. Sau đó, đề tài đưa ra các kiến nghị, đề xuất với Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước...

Ngoài phần mở đầu, kết luận và tài liệu tham khảo, luận văn được kết cấu thành 03 chương:

- Chương 1: Một số vấn đề chung về rủi ro tín dụng
- Chương 2: Thực trạng quản trị rủi ro tín dụng tại ngân hàng thương mại cổ phần ACB
- Chương 3: Giải pháp hoàn thiện quản trị rủi ro tín dụng tại ngân hàng thương mại cổ phần ACB

CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG

1.1 Rủi ro tín dụng tại ngân hàng thương mại

1.1.1 Khái niệm về rủi ro tín dụng tại ngân hàng thương mại

Rủi ro tín dụng gắn liền với hoạt động tín dụng, là hoạt động cơ bản của ngân hàng và đem lại nguồn thu chủ yếu của ngân hàng hiện nay, có thể gây tổn thất về tài chính, về kinh tế mà tác động trực tiếp là làm giảm lãi, giảm giá trị thị trường về vốn, trong trường hợp nghiêm trọng hơn có thể làm hoạt động kinh doanh của ngân hàng bị thua lỗ, thậm chí là phá sản ngân hàng. Có nhiều khái niệm về rủi ro tín dụng được ghi nhận trong các tài liệu nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước, như sau:

Theo Joel Bessis đưa ra khái niệm về rủi ro tín dụng trong cuốn Quản trị rủi ro trong ngân hàng: *“Rủi ro tín dụng là rủi ro quan trọng nhất trong ngân hàng. Đó là rủi ro đối tác sẽ vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Theo các quy định, rủi ro tín dụng chia thành một vài thành phần rủi ro tín dụng: rủi ro vỡ nợ; rủi ro giảm uy tín; rủi ro nguy cơ nguy cơ, tức là sự bất trắc về giá trị tương lai của khoản tiền có thể thua lỗ vào thời điểm vỡ nợ chưa biết; thua lỗ do vỡ nợ thường ít hơn lượng tiền phải trả bởi vì sự hồi phục nhờ đảm bảo hay thế chấp của bên thứ ba; rủi ro đối tác là hình thức rủi ro tín dụng cụ thể xuất phát từ phái sinh, có thể chuyển đổi từ đối tác này sang đối tác khác”*.

Theo định nghĩa của Ủy ban Basel thuộc Ngân hàng Thanh toán Quốc tế: *“Rủi ro tín dụng là khả năng mà khách hàng vay hoặc bên đối tác không thực hiện được các nghĩa vụ của mình theo những điều khoản đã thỏa thuận”*.

Theo Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21 tháng 01 năm 2013 quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, rủi ro tín dụng được định nghĩa như sau: *“Rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng do khách hàng*

không thực hiện được hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết”.

Như vậy, đứng trên nhiều góc độ khác nhau để nhìn nhận thì rủi ro tín dụng có thể được diễn đạt dưới các hình thức khác nhau, song các khái niệm, các quan điểm đều tựu chung về bản chất của rủi ro tín dụng đó là: *Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất, thiệt hại về kinh tế mà tổ chức tín dụng phải gánh chịu do khách hàng vay vốn không thực hiện nghĩa vụ hoàn trả nợ gốc và lãi hoặc hoàn trả không đúng hạn.*

1.1.2 Nguyên nhân gây ra rủi ro tín dụng tại ngân hàng thương mại

Rủi ro tín dụng đến từ nhiều nguyên nhân và được chia thành 02 nhóm nguyên nhân chính là nhóm các nguyên nhân bên ngoài và nhóm nhân tố bên trong thuộc về nội tại của ngân hàng

1.1.2.1 Nhóm các nhân tố bên ngoài

03 nhân tố vĩ mô của nền kinh tế tác động chính tới quản trị RRTD tại ngân hàng đó là: Tăng trưởng GDP, lạm phát và lãi suất. Lịch sử đã chứng minh rằng, tăng trưởng GDP, lạm phát và lãi suất có ảnh hưởng tới RRTD, đồng thời, từ đó ảnh hưởng đến hiệu quả quản trị RRTD.

Tăng trưởng GDP có tác động ngược chiều với RRTD. Trường hợp nền kinh tế tăng trưởng, phát triển sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của khách hàng được cấp tín dụng, vì vậy, rõ ràng là xác suất xảy ra RRTD sẽ thấp hơn ở thời kỳ nền kinh tế suy thoái.

Lạm phát cũng có tác động lớn đến RRTD tại NHTM: Lạm phát cao được biết đến như là một trong những yếu tố gây ra khó khăn cho hoạt động của các doanh nghiệp, cá nhân tham gia vào nền kinh tế, trong lưu thông, khi vật giá tăng quá nhanh thì tình trạng đầu cơ, tích trữ thường xuyên xảy ra, gây nên sự mất cân đối giả tạo làm cho lưu thông rối loạn. Điều này làm ảnh hưởng không tốt đến hoạt động kinh doanh cũng như thu nhập của các thành phần tham gia vào nền kinh tế. Lạm phát cao và siêu lạm phát làm cho hoạt động của hệ thống tín dụng rơi vào tình trạng khủng hoảng. Nguồn tiền trong xã hội bị sụt giảm nhanh chóng, các thành phần

tham gia vào nền kinh tế có thể mất khả năng thanh toán, các tính toán kinh tế bị sai lệch nhiều theo thời gian, từ đó gây khó khăn cho các hoạt động đầu tư, do đó xảy ra RRTD là điều tất yếu, hiệu quả quản trị RRTD cũng sẽ thấp hơn thời kỳ lạm phát thấp.

Lãi suất cũng là yếu tố tác động đến RRTD và quản trị RRTD, trong trường hợp lãi suất thực tăng có thể tạo động lực cho ngân hàng gia tăng các khoản cấp tín dụng. Nếu tốc độ tăng trưởng tín dụng tăng lên thì RRTD cũng sẽ có cơ hội gia tăng, hiệu quả quản trị RRTD suy giảm và ngược lại.

1.1.2.2 Nhóm các nhân bên trong ngân hàng

Về quy mô của ngân hàng

Quy mô của ngân hàng có tác động 2 chiều đến RRTD cũng như hiệu quả quản trị RRTD. Thứ nhất, ngân hàng có quy mô lớn thường có nguy cơ RRTD cao hơn, hiệu quả quản trị RRTD thấp hơn các ngân hàng có quy mô nhỏ. Theo lý giải thông thường, đối với những ngân hàng có quy mô lớn, đối tượng khách hàng đều là những doanh nghiệp lớn trong các lĩnh vực khác nhau, vì vậy khi xảy ra biến động thị trường, các doanh nghiệp này dễ bị tổn thất nặng nề, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh từ đó xác suất không thực hiện được nghĩa vụ tín dụng đối với ngân hàng là khá lớn. Bên cạnh đó, đối với đối tượng khách hàng này, tâm lý chung của các ngân hàng là đơn giản hoá các thủ tục tín dụng, vì vậy tạo ra lỗ hổng trong quá trình cấp tín dụng sẽ phát sinh RRTD. Thứ hai, quy mô tín dụng ngân hàng có tác động ngược chiều đến RRTD, nghĩa là với những ngân hàng có quy mô lớn, có đầy đủ nguồn lực để xây dựng một hệ thống quản trị rủi ro tốt hơn, do đó RRTD đối với các ngân hàng này là khá thấp mang lại hiệu quả quản trị RRTD cao.

Về tốc độ tăng trưởng tín dụng, cơ cấu tín dụng

Tốc độ tăng trưởng tín dụng nhanh có thể tiềm ẩn chất lượng tín dụng không cao, xác suất xảy ra RRTD lớn, hiệu quả quản trị RRTD không được như mong muốn. Cơ cấu tín dụng trong từng thời kỳ của các ngân hàng cũng ảnh hưởng đến RRTD (cơ cấu tín dụng theo ngành nghề, cơ cấu tín dụng theo đối tượng khách hàng, cơ cấu tín dụng theo thời gian...) Căn cứ vào chính sách và kế hoạch phát

triển tín dụng từng năm của các ngân hàng, cơ cấu tín dụng sẽ có thay đổi. Trường hợp cơ cấu tín dụng của ngân hàng không có sự điều chỉnh cân bằng phù hợp, chẳng hạn tỷ trọng cấp tín dụng trong lĩnh vực bất động sản cao hơn trong các ngành, lĩnh vực khác hoặc chú trọng phát triển đối tượng khách hàng tín dụng doanh nghiệp lớn... thì RRTD sẽ cao hơn do nguồn vốn tín dụng chỉ tập trung vào các lĩnh vực này. Nếu xảy ra biến động lớn, ngân hàng có khả năng sẽ lâm vào tình trạng mất cân đối vốn, mất khả năng thanh khoản, làm giảm uy tín của ngân hàng. Tỷ suất lợi nhuận/vốn chủ sở hữu (ROE): Tỷ lệ ROE của ngân hàng trong một thời kỳ ở mức thấp, điều này thể hiện hiệu quả kinh doanh từ hoạt động tín dụng không cao, đây cũng chính là kết quả của công tác quản trị RRTD thực hiện không tốt, gây thất thoát nguồn vốn và làm suy giảm nguồn lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

Về nguồn nhân lực

Trong hoạt động tín dụng, nếu chất lượng nguồn nhân lực yếu kém, không đủ năng lực chuyên môn để thực hiện thẩm định yêu cầu cấp tín dụng của khách hàng thì RRTD phát sinh là điều không thể tránh khỏi. Điều này cũng thể hiện năng lực quản trị RRTD của mỗi ngân hàng chưa thực sự tốt. Bên cạnh đó, đạo đức nghề nghiệp của mỗi cán bộ tín dụng cũng là vấn đề cần quan tâm. Cán bộ tín dụng thiếu đạo đức nghề nghiệp, vì tư lợi có thể làm sai lệch hồ sơ xin cấp tín dụng hoặc bỏ qua, xem nhẹ các quy định cấp tín dụng đối với mỗi khách hàng cũng chính là nguyên nhân gây nên RRTD cho ngân hàng.

Ngoài những nhân tố nêu trên thì tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR), chính sách tín dụng của các ngân hàng trong từng thời kỳ, tỷ suất lợi nhuận/tổng tài sản (ROA)... đều có ảnh hưởng cùng chiều hoặc ngược chiều đến hiệu quả của quản trị RRTD tại các NHTM.

1.1.3 Hậu quả của rủi ro tín dụng tại ngân hàng thương mại

Khi RRTD xảy ra, NHTM không thu hồi được đủ số vốn và lãi đã cho vay, nhưng ngân hàng phải trả vốn và lãi cho khoản tiền huy động. Khi đến hạn hoàn trả tiền gửi cho khách hàng, điều này sẽ làm cho NHTM có nguy cơ bị mất cân đối trong việc thu chi, cân đối vốn, ảnh hưởng tới thanh khoản, vòng quay vốn tín dụng

giảm, làm cho NHTM kinh doanh không hiệu quả, chi phí của ngân hàng tăng lên so với dự kiến.

Nếu một khoản vay nào đó không thu hồi được thì NHTM phải sử dụng các nguồn vốn của mình để trả cho người gửi tiền, đến một chừng mực nào dẫn tới ngân hàng có nguy cơ không có đủ nguồn vốn để trả cho người gửi tiền, ngân hàng sẽ rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán, có thể dẫn đến nguy cơ gặp rủi ro thanh khoản. Hậu quả của tình hình đó là làm thu hẹp quy mô kinh doanh, năng lực tài chính giảm sút; uy tín, sức cạnh tranh giảm. Nguy cơ đó không những xảy ra đối với chính từng NHTM đó mà còn có thể ảnh hưởng đến toàn bộ hệ thống NHTM; kết quả kinh doanh của NHTM ngày càng xấu có thể dẫn ngân hàng đến thua lỗ hoặc đưa đến nguy cơ phá sản nếu không có biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời.

1.2 Khái niệm, mục tiêu, yêu cầu đối với quản trị rủi ro tín dụng tại ngân hàng thương mại

1.2.1 Khái niệm

Theo Tổ chức Moody's Analytics, quản trị RRTD là một quá trình thực hiện các biện pháp giảm tổn thất bằng cách hiểu một cách đầy đủ về vốn và dự phòng RRTD trong một khoảng thời gian nhất định. Với quan điểm này thì quản trị RRTD thực chất là việc nhà quản trị có những biện pháp để quản lý vốn và dự phòng cho RRTD.

Theo Ủy ban Basel, quản trị RRTD là việc thực hiện các biện pháp tối đa hóa tỷ suất sinh lời điều chỉnh theo RRTD bằng cách duy trì số dư tín dụng trong phạm vi các tham số cho phép. Khái niệm về quản trị RRTD của Ủy ban Basel đã làm rõ được vấn đề đó là mục đích của quản trị RRTD là tối đa hóa lợi nhuận dựa trên cơ sở đảm bảo tổn thất do RRTD gây ra nằm trong giới hạn mà ngân hàng có thể chấp nhận được.

Theo khung quản trị RRTD của ngân hàng Standard Charter (năm 2012), quản trị RRTD là quá trình quản lý RRTD thông qua thiết lập khung các chính sách và thủ tục, nhằm kiểm soát việc đo lường và quản lý RRTD. Trong khi đó, tài liệu hướng dẫn quản trị RRTD của MAS (Singapore) cho biết, quản trị RRTD là quá

trình nhận diện, đo lường, đánh giá, giám sát, kiểm soát và báo cáo RRTD thông qua thiết lập khung các chính sách và thủ tục, nhằm kiểm soát việc đo lường và quản lý RRTD.

Tóm lại, có thể đề cập khái niệm quản trị rủi ro tín dụng ở các góc độ khác nhau, nhưng bản chất là giống nhau và đứng trên góc độ của quản trị học, có thể diễn giải khái niệm: *Quản trị rủi ro tín dụng là quá trình các ngân hàng tiến hành hoạch định, tổ chức triển khai thực hiện và giám sát kiểm tra toàn bộ hoạt động cấp tín dụng, nhằm tối đa hóa lợi nhuận của ngân hàng với mức rủi ro có thể chấp nhận*

1.2.2 Mục tiêu của quản trị rủi ro tín dụng tại ngân hàng thương mại

Kinh doanh tín dụng là hoạt động kinh doanh cốt lõi và chủ đạo của NHTM. Do vậy, mục tiêu quản trị rủi ro phải hướng đến là đảm bảo hiệu quả của hoạt động tín dụng và không ngừng nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng của NHTM ngay trong những thị trường đầy biến động, nguy cơ rủi ro không ngừng gia tăng. Nói một cách cụ thể hơn thì quản trị rủi ro tín dụng là bằng các chính sách tín dụng, các biện pháp quản lý, quy trình giám sát hoạt động tín dụng khoa học và hiệu quả nhằm mục tiêu hạ thấp rủi ro tín dụng, nâng cao mức độ an toàn cho kinh doanh của mỗi NHTM.

Ngoài ra, quản trị rủi ro tín dụng phải đảm bảo thực hiện đúng các quy định của nhà nước và quy định của pháp luật.

1.2.3 Một số yêu cầu trong quản trị rủi ro tín dụng tại ngân hàng thương mại

1.2.3.1 Trách nhiệm của ban điều hành

Trong các NHTM ban điều hành hay còn gọi là hội đồng kinh doanh là bộ phận cao cấp quyết định định hướng chính sách kinh doanh tín dụng, chính sách quản trị rủi ro, chính sách giám sát hoạt động kinh doanh tín dụng. Do vậy, hội đồng kinh doanh là bộ phận chịu trách nhiệm đảm bảo cân bằng hoạt động kinh doanh tín dụng và nhiệm vụ quản trị rủi ro tín dụng đúng đắn và hiệu quả. Để làm được điều này các thành viên trong ban điều hành phải có năng lực chuyên môn cao đảm bảo khả năng đánh giá rủi ro và các biện pháp cần thiết để hạn chế rủi ro.

1.2.3.2 Chiến lược quản trị rủi ro tín dụng

NHTM phải đề ra chiến lược kinh doanh tín dụng trên cơ sở phân tích tình hình kinh doanh hiện tại, đánh giá rủi ro liên quan đến hoạt động cho vay cũng như khả năng chịu đựng rủi ro của mình. Chiến lược này phải được ban điều hành đánh giá lại định kỳ hàng năm (cuối Quý IV hàng năm), phải lập được kế hoạch tổng thể của việc kinh doanh tín dụng, trên cơ sở bản chất, phạm vi, sự phức tạp và tính rủi ro của công việc kinh doanh tín dụng. Chẳng hạn như lập được kế hoạch ngành nghề, địa bàn, loại hình cho vay. Chiến lược này phải được ghi thành văn bản (biên bản họp) và được phổ biến (ban hành công văn) trong nội bộ NHTM.

1.2.3.3 Tổ chức hoạt động tín dụng

Trên cơ sở xem xét phạm vi, sự phức tạp và tính rủi ro của hoạt động kinh doanh tín dụng của tổ chức mình, NHTM phải tổ chức được hệ thống kinh doanh tín dụng với quy trình hoạt động tín dụng phù hợp, hiệu quả nhưng đảm bảo rủi ro tín dụng được hạn chế trong phạm vi kiểm soát được, được ghi thành văn bản rõ ràng và được phổ biến đến toàn bộ cán bộ/nhân viên có liên quan. Quy trình hoạt động tín dụng phải được xem xét lại theo định kỳ, nội dung phải thể hiện rõ những điểm sau:

Sự tách bạch chức năng

Một trong những nguyên tắc cơ bản nhất trong hoạt động kinh doanh cũng như trong hoạt động cho vay là phải có sự phân tách chức năng giữa bộ phận giao dịch trực tiếp với khách hàng (direct relationship) - là bộ phận khơi nguồn các giao dịch với khách hàng - với bộ phận thẩm định, quyết định, theo dõi cho vay (back office). Sự phân tách chức năng này đảm bảo được tính khách quan trong việc đưa ra quyết định cũng như đánh giá. Bộ phận đánh giá rủi ro tín dụng (thường gọi là phòng quản trị rủi ro) cũng phải được phân tách với bộ phận kinh doanh tín dụng. Các báo cáo về rủi ro tín dụng cũng do bộ phận này thực hiện.

Nguyên tắc bỏ phiếu trong quyết định cho vay

Để tránh sự thiên vị hay ưu tiên trong việc ra quyết định cho vay, nguyên tắc bỏ phiếu phải có sự tham gia của bộ phận giao dịch với khách hàng và bộ phận thẩm định, bộ phận theo dõi sau cho vay. Cấp quản lý ở các cấp độ khác nhau được quyền ra quyết định cho vay trong phạm vi hạn mức được giao của mình.

Đảm bảo nguyên tắc kiểm soát nội bộ

Quy trình tín dụng phải nêu rõ được tất cả các bước tác nghiệp cũng như kết quả của tất cả các bước tác nghiệp. Tại tất cả các khâu trong các bước tác nghiệp có khả năng gây ra rủi ro đều phải được đặt các chốt kiểm tra như thế nào đó để người có trách nhiệm kiểm tra lại. Các chốt kiểm tra ngay trong quy trình tín dụng phải được bố trí một cách phù hợp, nếu nhiều quá có thể tăng khả năng quản trị rủi ro nhưng gây tốn kém, nếu ít quá có thể giảm được chi phí nhưng có thể gây rủi ro cao hơn. điều quan trọng là quy trình hoạt động tín dụng phải đảm bảo mọi việc được xử lý một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời và đúng thẩm quyền.

Mọi bước xử lý công việc cũng như mọi chỉ thị của lãnh đạo đều phải được thể hiện bằng văn. Việc chỉ đạo chỉ bằng lời nói hay thể hiện bằng dấu hiệu không rõ ràng của riêng một lãnh đạo nào mà không được nêu trong quy trình là không thể chấp nhận được.

Quy trình hoạt động tín dụng đầy đủ, chặt chẽ và hiệu quả

Quy trình hoạt động tín dụng cũng có thể được viết dưới dạng sổ tay chi tiết. Quy trình phải thể hiện được đầy đủ các công đoạn xử lý, đầy đủ các chi tiết của từng công đoạn từ khi có phê duyệt cho vay đến khi khách hàng trả toán toàn bộ nghĩa vụ khoản dư nợ tín dụng, bao gồm các công đoạn: thẩm định cho vay -> ra quyết định cho vay -> giải ngân -> theo dõi cho vay, giám sát toàn bộ qui trình cho vay -> giám sát tuân thủ quy trình kiểm soát sau vay (sau khi giải ngân) -> xử lý các món vay có vấn đề, dự phòng rủi ro... Các tiêu chuẩn cụ thể, chi tiết để xử lý công việc, đề ra các quyết định, các vấn đề liên quan đến các loại hình tín dụng cũng như trình độ cần phải có của cán bộ, nhân viên có liên quan ở từng vị trí phải được qui định một cách cụ thể và phù hợp. Cần qui định rõ những vấn đề nào chỉ do bộ phận thẩm định, xử lý sau cho vay (back office) thực hiện mà không thể do bộ phận giao dịch trực tiếp với khách hàng (direct relationship) thực hiện.

Hệ thống thông tin báo cáo

NHTM phải xây dựng một hệ thống xử lý thông tin phù hợp. Ban điều hành phải được báo cáo đầy đủ, chính xác, kịp thời về diễn biến hoạt động tín dụng cũng

như mọi vấn đề phát sinh có khả năng gây ra rủi ro. Trên cơ sở đó, Ban điều hành phải có được các biện pháp ứng phó kịp thời, hiệu quả.

Hệ thống lưu trữ, hệ thống thông tin

Ngoài việc các chứng từ, tài liệu liên quan đến hoạt động tín dụng phải được lưu trữ trong một thời gian hợp lý, việc bảo đảm an toàn cho chứng từ, tài liệu cũng cần được qui định rõ trong quy trình tín dụng, trong đó quy định rõ thẩm quyền được tiếp cận số liệu, chứng từ, hồ sơ, vấn đề chống cháy nổ, chống mất cắp..

Việc sử dụng hệ thống thông tin cần có mã an toàn, có quy định thẩm quyền tiếp cận, thẩm quyền xử lý dữ liệu, biện pháp chống tin tặc và biện pháp khôi phục dữ liệu khi hệ thống xảy ra sự cố. Các NHTM lớn có thể sử dụng một hệ thống dự phòng để hạn chế rủi ro có thể phát sinh khi hệ thống thông tin gặp sự cố.

1.2.3.4 Quy trình xếp loại rủi ro

Các quy trình xếp loại cần được đưa vào quy trình xử lý tín dụng, trách nhiệm phát triển, thực hiện, giám sát và sử dụng các quy trình xếp loại rủi ro không được đặt tại bộ phận giao dịch với khách hàng (front office). Các chỉ số cơ bản để xác định rủi ro đối tác trong quy trình xếp loại rủi ro không chỉ bao gồm các tiêu chuẩn định lượng mà cả các tiêu chuẩn định tính. đặc biệt phải chú ý đến khả năng sinh lời trong tương lai để trả nợ của khách hàng vay. Các NHTM cần có hệ thống xếp loại, chấm điểm khách hàng vay theo định kỳ, việc xếp loại khách hàng vay này cũng có thể tham khảo kết quả thứ hạng của các khách hàng do các công ty xếp hạng có uy tín thực hiện.

NHTM phải giám sát được tất cả các loại rủi ro quan trọng trong hoạt động tín dụng, kể cả rủi ro ở cấp tập đoàn, bằng nhiều biện pháp (chẳng hạn giám sát luồng tiền mặt của khách hàng, những thông tin liên quan đến ngành kinh doanh của khách hàng trên thị trường...) phải giám sát được tình hình tài chính của từng khách hàng cũng như giám sát được rủi ro của toàn bộ danh mục đầu tư một cách liên tục. Điều quan trọng là phải sớm phát hiện được rủi ro. để làm được điều này, NHTM phải phát triển được mô hình cảnh báo rủi ro với các chỉ số cảnh báo sớm, bao gồm cả các chỉ số định lượng và định tính. Chẳng hạn như thời gian bị quá hạn

của khoản thanh toán lãi hay của khoản phải trả nợ, tình hình luồng tiền mặt bị suy giảm, tình hình kinh tế tác động đến hoạt động kinh doanh của khách hàng, số liệu thống kê trong quá khứ về khả năng không trả được nợ của thứ hạng khách hàng đó, tỷ lệ về độ tin tưởng được sử dụng cho mô hình. Các mô hình rủi ro phải được kiểm chứng lại trong thực tế cũng như được xem xét trong tình huống xấu nhất để kiểm tra khả năng chịu đựng rủi ro tín dụng của tổ chức mình. Trên cơ sở đó, mô hình rủi ro phải được điều chỉnh, cập nhật một cách phù hợp

1.2.3.5 Kiểm toán nội bộ và kiểm toán bên ngoài

Để đảm bảo quy trình kinh doanh tín dụng, việc đánh giá rủi ro tín dụng được thực hiện một cách đầy đủ, chính xác, cần có một bộ phận đứng bên ngoài độc lập với quy trình của NHTM, là bộ phận kiểm toán nội bộ, kiểm tra lại.

Kiểm toán bên ngoài với cái nhìn toàn diện khách quan từ bên ngoài cũng góp phần giúp NHTM hạn chế được rủi ro.

1.3 Nội dung của hoạt động quản trị rủi ro tại ngân hàng thương mại

Nội dung của quản trị rủi ro tín dụng bao gồm các khâu: *Nhận biết rủi ro tín dụng; Phân tích, đánh giá và đo lường rủi ro tín dụng; Ứng phó rủi ro và Kiểm soát rủi ro tín dụng. Trên thực tế, có những tài liệu và kết quả nghiên cứu khác phân quá trình quản trị rủi ro ít khâu hơn, bao gồm nhận biết/xác định, đo lường, quản trị/ứng phó và kiểm soát.*

1.3.1 Nhận biết rủi ro tín dụng tại ngân hàng thương mại

Khâu đầu tiên trong quản trị rủi ro tín dụng đó là nhận biết rủi ro, trên cơ sở nhận biết rủi ro các nhà quản trị sẽ tiếp tục thực hiện các khâu tiếp theo, đây là một trong các nội dung quan trọng nhất trong công tác quản trị rủi ro tín dụng. Để nhận biết rủi ro cần xem xét đến các dấu hiệu của rủi ro tín dụng, trên cơ sở đó để phân tích rủi ro, đánh giá và nhận biết rõ bản chất của rủi ro tín dụng, các nhân tố ảnh hưởng và mức độ tác động các nhân tố đó đến rủi ro tín dụng của ngân hàng.

Dấu hiệu của rủi ro tín dụng có thể phát sinh từ phía khách hàng hay từ chính nội bộ ngân hàng.

1.3.1.1 Nhóm dấu hiệu phát sinh từ phía khách hàng

Các dấu hiệu liên quan đến mối quan hệ với ngân hàng

Biến động số dư của các tài khoản của khách hàng tại ngân hàng: biến động số dư từ các tài khoản mà đặc biệt là giảm sút số dư tài khoản tiền gửi, khó khăn trong thanh toán lương, thường xuyên yêu cầu hỗ trợ nguồn vốn lưu động từ nhiều nguồn khác nhau, gia tăng các khoản nợ vay từ ngân hàng và khách hàng hoặc không có khả năng thanh toán nợ khi đến hạn.

Tình hình sử dụng vốn vay: Tần suất yêu cầu giải ngân thường xuyên, dư nợ vay liên tục gia tăng, trì hoãn hoặc gây khó khăn đối với ngân hàng trong quá trình kiểm tra theo định kỳ hoặc đột ngột tình hình sử dụng vốn vay, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng. Thường xuyên yêu cầu ngân hàng cho đáo hạn, gia hạn thời hạn trả nợ vay.

Quản trị tài chính tại doanh nghiệp: Sử dụng nhiều các khoản tài trợ ngắn hạn cho các hoạt động dài hạn, chấp nhận sử dụng các nguồn tài trợ đắt nhất, giảm các khoản phải trả, tăng các khoản phải thu, các hệ số thanh toán phát triển theo chiều hướng xấu.

Các dấu hiệu liên quan đến phương pháp quản trị của khách hàng

Rủi ro xảy ra khi khách hàng có sự thay đổi thường xuyên cơ cấu của hệ thống quản trị hoặc ban điều hành, hệ thống quản trị và ban điều hành luôn bất đồng về mục đích, quản trị điều hành độc đoán, hoặc ngược lại quá phân tán, việc lập kế hoạch không đầy đủ, quản trị có tính gia đình, có tranh chấp trong quá trình quản trị.

Các dấu hiệu liên quan xử lý thông tin về tài chính kế toán của khách hàng

Nếu khách hàng có sự chuẩn bị không đầy đủ số liệu tài chính hoặc số liệu chậm trễ, trì hoãn nộp các báo cáo tài chính hoặc những kết luận về phân tích tài chính cho thấy: sự gia tăng không cân đối về tỷ lệ nợ thường xuyên, khả năng tiền mặt giảm, tăng doanh số bán nhưng lãi giảm hoặc không có, điều này cho thấy khách hàng đang có dấu hiệu rủi ro.

Các dấu hiệu thuộc các vấn đề kỹ thuật và thương mại

Các dấu hiệu thuộc về vấn đề kỹ thuật và thương mại thể hiện: khó khăn trong phát triển sản phẩm, thay đổi trên thị trường: tỷ giá, lãi suất, thay đổi thị hiếu, cập nhật kỹ thuật mới, mất nhà cung ứng hoặc khách hàng lớn, chính sách thuế, điều kiện thành lập và môi trường.

1.3.1.2 Nhóm dấu hiệu phát sinh từ phía ngân hàng

Các dấu hiệu từ các chỉ tiêu nhận biết rủi ro tín dụng của ngân hàng

Rủi ro tín dụng được thể hiện qua quy mô tín dụng, cơ cấu tín dụng, nợ quá hạn, nợ xấu, và dự phòng rủi ro do đó, khi các yếu tố này có xu hướng thiên lệch như: tốc độ tăng trưởng và quy mô tín dụng tăng quá nhanh vượt qua khả năng quản trị của ngân hàng, hay là cơ cấu danh mục cho vay tập trung quá mức vào một nhóm ngành ưu tiên, một lĩnh vực rủi ro, hoặc các chỉ tiêu nợ quá hạn, nợ xấu có dấu hiệu vượt qua ngưỡng cho phép, dự phòng rủi ro ở mức thấp so với tỷ lệ nợ xấu nợ quá hạn tại Ngân hàng.

Các dấu hiệu xuất phát từ trình độ của nhân viên tín dụng và năng lực quản trị của người quản trị ngân hàng

Các dấu hiệu này bao gồm: Đánh giá và phân loại không chính xác về mức độ rủi ro của khách hàng: cấp tín dụng dựa trên các cam kết không chắc chắn và thiếu tính bảo đảm, tốc độ tăng trưởng tín dụng quá nhanh và vượt quá khả năng và năng lực kiểm soát cũng như nguồn vốn ngân hàng, cho vay dựa trên những sự kiện bất thường có thể xảy ra, ví dụ như sát nhập, thay đổi địa vị pháp lý của chi nhánh.

Các dấu hiệu xuất phát từ chính sách của ngân hàng

Các dấu hiệu này thể hiện qua chính sách tín dụng quá cứng nhắc hoặc quá lỏng lẻo để khe hở cho khách hàng lợi dụng, cho vay hỗ trợ mục đích đầu cơ mà không trực tiếp hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh chính của khách hàng (mua bất động sản, kinh doanh chứng khoán,...), chính sách cho vay ưu đãi, cho vay ngoại lệ theo chỉ định, quy trình tín dụng không chặt chẽ thiếu biện pháp phòng ngừa và ứng phó với rủi ro tín dụng.

1.3.2 Đo lường rủi ro tín dụng tại ngân hàng thương mại

Đo lường rủi ro là bước tiếp theo sau khi phát hiện được các dấu hiệu rủi ro tín dụng. Hiện nay, nhiều ngân hàng trên thế giới đã bắt đầu quan tâm đến

việc định lượng rủi ro tín dụng một cách bài bản. Đo lường rủi ro tín dụng cần được thực hiện đối với từng khoản vay/khách hàng, đối với danh mục các khoản vay/khách hàng và đối với tổng thể hoạt động cho vay của ngân hàng.

1.3.2.1 Đo lường rủi ro khoản vay

Đo lường rủi ro đối với mỗi khoản vay có thể sử dụng nhiều phương pháp khác nhau, hiện nay có một số phương pháp cơ bản như: Công thức đo lường tổn thất của mỗi khoản vay (EL); sử dụng mô hình điểm số Z; sử dụng mô hình xếp hạng của Moody's.

Đo lường rủi ro khoản vay theo công thức đo lường tổn thất dự kiến

Đối với mỗi khoản vay, tổn thất dự kiến đối với khoản vay đó được đo lường theo công thức sau:

$$EL = PD \times LGD \times EA$$

Trong đó:

- EL (Expected Loss): Tổn thất dự kiến
- PD (Probability của default): Xác suất vỡ nợ của khách hàng/ ngành hàng đó là bao nhiêu.
- LGD (Loss Given Default): Tỷ trọng % số dư rủi ro ngân hàng sẽ bị tổn thất khi khách hàng không trả được nợ.
- EAD (Exposure at Default): Số dư nợ vay (và tương đương) của khách hàng/ngành hàng khi xảy ra vỡ nợ.

(Nguồn: Theo Basel II)

Với PD, LGD và EAD, hai yếu tố có tầm quan trọng hàng đầu tương chừng rất định tính, mà các ngân hàng thường xuyên nhắc đến trong quyết định cấp tín dụng là khả năng trả nợ và mong muốn trả nợ của khách hàng đã được lượng hóa cụ thể.

Đo lường rủi ro khoản vay theo mô hình điểm số Z

Mô hình này do E.I. Altman xây dựng để cho điểm tín dụng đối với các công ty của Mỹ. Đại lượng Z là thước đo tổng hợp để phân loại rủi ro tín dụng đối với người vay và phụ thuộc vào:

- Trị số của các chỉ số tài chính của người vay (X_j)

- Tầm quan trọng của các chỉ số này trong việc xác định xác suất vỡ nợ của người vay trong quá khứ.

Từ đó, Altman đi đến mô hình cho điểm như sau:

$$Z = 1,2X1 + 1,4X2 + 3,3X3 + 0,64X4 + X5$$

Trong đó:

$X1 = \text{Tỷ số vốn lưu động ròng trên tổng tài sản}$ $X2 = \text{Tỷ số lợi nhuận giữ lại trên tổng tài sản}$

$X3 = \text{Tỷ số lợi nhuận trước thuế, tiền lãi trên tổng tài sản}$ $X4 = \text{Tỷ số giá trị cổ phiếu trên giá trị ghi sổ nợ dài hạn}$ $X5 = \text{Tỷ số doanh thu trên tổng tài sản}$

Trị số Z càng cao thì người vay có xác suất vỡ nợ càng thấp và ngược lại (trị số Z có thể âm). Theo mô hình cho điểm của Altman bất cứ đơn vị nào có điểm số Z thấp hơn **1,81** được xếp vào nhóm có nguy cơ rủi ro tín dụng cao. Căn cứ vào kết luận này, ngân hàng sẽ không cấp tín dụng cho khách hàng hay cho đến khi cải thiện được điểm số Z lớn hơn **1,81**.

Đo lường rủi ro theo mô hình xếp hạng của Moody's

Mô hình này xếp hạng tình trạng hoạt động của doanh nghiệp dựa trên tỷ lệ rủi ro hàng năm, chất lượng này thay đổi hàng năm. Các doanh nghiệp được xếp hạng cao khi tỷ lệ rủi ro dưới **0,1%**.

Bảng 1.1: Xếp hạng doanh nghiệp của Moody's

Xếp hạng	Tình trạng hoạt động của Doanh nghiệp	Tỷ lệ rủi ro hàng năm
Aaa	Chất lượng cao nhất	0,02%
Aa	Chất lượng cao	0,04%
A	Chất lượng khá	0,08%
Baa	Chất lượng vừa	0,2%
Ba	Nhiều yếu tố đầu cơ	1,8%
B	Đầu cơ	8,3%

(Nguồn: Theo báo cáo của Moody's)

1.3.2.2 Đo lường rủi ro danh mục

Rủi ro danh mục được đánh giá qua các mô hình Value at Risk (Var), mô hình Return at risk on capital (RAROC), mô hình xếp hạng tín dụng nội bộ theo Basel II (IRB).

Mô hình Var

Var của một danh mục tài sản được định nghĩa là khoản lỗ tối đa trong một thời gian nhất định. Mô hình VAR đánh giá mức độ rủi ro của danh mục theo 2 tiêu chuẩn: giá trị danh mục đầu tư và khả năng chịu đựng rủi ro của nhà đầu tư.

Mô hình RAROC

Quan niệm trung tâm về rủi ro theo RAROC là mức độ tổn thất, bao gồm hai bộ phận là tổn thất dự kiến (EL) và tổn thất ngoài dự kiến (UL). Do EL đã được đưa vào khi xác định giá (lãi suất) nên thực chất, EL có thể không coi là rủi ro (vì đã dự đoán được). Còn UL mới thực chất là rủi ro và ngân hàng cần phải chuẩn bị vốn để bù đắp rủi ro này nếu xảy ra.

Mô hình Raroc được tính toán như sau:

$$\text{Raroc} = \frac{\text{Thu nhập ròng} - \text{Tổn thất rủi ro dự kiến}}{\text{Vốn kinh tế}}$$

(Nguồn: Theo Basel II)

Mô hình xếp hạng tín dụng

Mô hình đơn giản nhất được sử dụng trong xếp hạng tín dụng là mô hình một biến số. Chỉ tiêu đánh giá phải được thống nhất trong mô hình. Tỷ suất tài chính được sử dụng trong mô hình bao gồm các chỉ tiêu thanh khoản, các chỉ tiêu hoạt động, chỉ tiêu cân nợ, chỉ tiêu lợi tức, chỉ tiêu vay nợ và chi phí trả lãi. Các chỉ tiêu phi tài chính thường được sử dụng bao gồm thời gian hoạt động của doanh nghiệp, số năm kinh nghiệm và trình độ của nhà quản trị cao cấp, triển vọng ngành. Nhược điểm của mô hình một biến số là kết quả dự báo khó chính xác nếu thực hiện phân tích và cho điểm các chỉ tiêu đánh giá một cách riêng biệt, hơn nữa mỗi người có

thể hiện các chỉ tiêu đánh giá theo cách khác nhau. Để khắc phục nhược điểm này các nhà nghiên cứu đã xây dựng các mô hình kết hợp nhiều biến số thành một giá trị để đánh giá thất bại của doanh nghiệp như mô hình phân tích hồi quy, phân tích logic, phân tích xác suất có điều kiện, phân tích nhiều biến số.

Xếp hạng tín dụng theo mô hình điểm số là phương pháp khoa học kết hợp sử dụng dữ liệu để nghiên cứu thống kê và áp dụng mô hình thuật toán để phân tích, tính điểm cho các chỉ tiêu đánh giá trong mô hình một biến hoặc đa biến. Các chỉ tiêu sử dụng trong xếp hạng tín dụng được xác lập theo nhóm bao gồm phân tích ngành, phân tích hoạt động kinh doanh, phân tích hoạt động tài chính. Sau đó đưa vào mô hình để tính điểm theo trọng số và quy đổi điểm nhận được sang biểu xếp hạng tương ứng.

1.3.2.3 Đo lường rủi ro tín dụng tổng thể của ngân hàng

Đo lường rủi ro tín dụng tổng thể của ngân hàng còn được đánh giá qua việc tính toán các chỉ tiêu phản ánh rủi ro tín dụng đề cập trong các nội dung trên, bao gồm: Quy mô tín dụng, Cơ cấu tín dụng, Nợ quá hạn, Nợ xấu, Dự phòng rủi ro tín dụng. Khi các yếu tố trên có xu hướng biến động bất thường như: quy mô tín dụng tăng quá nhanh vượt quá khả năng quản trị của ngân hàng, hay là cơ cấu tín dụng tập trung quá mức vào một ngành, một lĩnh vực rủi ro, hoặc là các chỉ tiêu nợ quá hạn, nợ xấu có dấu hiệu vượt qua ngưỡng cho ngân hàng đứng trước nguy cơ rủi ro cao.

1.3.3 Ứng phó rủi ro tín dụng tại ngân hàng thương mại

Để ứng phó rủi ro tín dụng, ngân hàng thường sử dụng các công cụ phân tán rủi ro, phòng ngừa rủi ro, bảo hiểm rủi ro và xử lý nợ xấu:

Phân tán rủi ro

Phân tán rủi ro trong hoạt động tín dụng là việc thực hiện cấp tín dụng cho nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, khu vực sản xuất kinh doanh nhằm tránh những tổn thất lớn xảy ra cho ngân hàng thương mại. Các hình thức phân tán rủi ro chủ yếu bao gồm:

Không tập trung cấp tín dụng cho một ngành, một lĩnh vực hay một khu vực

Để hạn chế rủi ro không nên tập trung vốn quá nhiều vào một loại hình kinh doanh, một vùng kinh tế. Khi ngân hàng tập trung cấp tín dụng vào một lĩnh vực kinh tế sẽ giống như "Bỏ trứng vào một rổ" điều đó có ý nghĩa: khi lĩnh vực kinh tế mà ngân hàng tập trung vốn đầu tư gặp phải những biến động bất lợi thì thiệt hại của ngân hàng sẽ là vô cùng lớn. Như vậy phân tán rủi ro hay chia nhỏ lĩnh vực đầu tư, khu vực đầu tư là một biện pháp cho các ngân hàng thương mại trong phòng chống rủi ro.

Không nên dồn vốn cấp tín dụng cho một hoặc một số khách hàng

Cùng với mục đích như trên là phân tán rủi ro, một khách hàng kinh doanh hiệu quả hay có quan hệ lâu năm với ngân hàng thì yêu cầu trên vẫn cần được tuân thủ bởi vì nếu khách hàng gặp khó khăn rủi ro đột xuất xảy ra thì ngân hàng cũng chịu tổn thất lớn, hơn nữa những thay đổi trong chu kỳ kinh doanh của khách hàng là khó tránh khỏi.

Đa dạng hóa các sản phẩm tín dụng

Đa dạng hóa các sản phẩm tín dụng có tác dụng phân tán rủi ro theo danh mục tài sản, giảm thiệt hại xảy ra khi có rủi ro đối với một vài loại tài sản nhất định.

Cho vay đồng tài trợ.

Cho vay đồng tài trợ nhằm nâng cao hiệu quả trong hoạt động cho vay, giúp ngân hàng thương mại phân tán được rủi ro mà vẫn không bị mất nguồn thu từ phương án kinh doanh khả thi. Các tổ chức tín dụng tham gia đồng tài trợ, phải ký kết với nhau một hợp đồng mà ở đó ghi rõ trách nhiệm và quyền hạn của từng thành viên tham gia đồng tài trợ. Do đó, khi rủi ro xảy ra gánh nặng sẽ được phân tán cho mỗi đơn vị chịu một phần rủi ro tương ứng với mức vốn tham gia của mình.

Sử dụng các công cụ tín dụng phái sinh để phòng ngừa và hạn chế rủi ro

Sử dụng các công cụ tín dụng phái sinh thông qua Hợp đồng trao đổi tín dụng (Credit swap), hợp đồng quyền chọn tín dụng (credit options). Hợp đồng quyền chọn tín dụng là một công cụ bảo vệ ngân hàng trước những tổn thất trong

trị giá tài sản tín dụng, giúp bù đắp mức chi phí vay vốn cao hơn khi chất lượng tín dụng của ngân hàng giảm sút. Hợp đồng quyền chọn tín dụng cũng có thể được sử dụng để bảo vệ ngân hàng trước rủi ro chi phí vay vốn tăng do chất lượng tín dụng của ngân hàng giảm sút.

Mua bảo hiểm rủi ro tín dụng:

Hiện nay để đáp ứng nhu cầu bù đắp rủi ro cho các khoản tín dụng cho các ngân hàng hay cho các khách hàng vay vốn, các doanh nghiệp bảo hiểm trên thế giới cũng như Việt Nam đã phát triển các sản phẩm bảo hiểm rủi ro tín dụng cho các khách hàng là ngân hàng hay các tổ chức, cá nhân vay vốn. Nhiều ngân hàng đã yêu cầu khách hàng mua bảo hiểm cho các khoản vay và coi như là một yêu cầu bắt buộc trước khi được cấp tín dụng (bảo hiểm tín dụng dự án, tín dụng cá nhân...). Bản thân ngân hàng, để đảm bảo bù đắp một phần hay tổn thất cho các khoản tín dụng cấp cho khách hàng, ngân hàng có thể chủ động mua bảo hiểm tín dụng cho một số trường hợp.

Xử lý nợ xấu

Khi một khoản vay bị xếp xuống nhóm nợ xấu thì ngân hàng sẽ chuyển sang bộ phận xử lý nợ xấu, thực hiện rà soát khoản vay, lập phương án gặp gỡ khách hàng để tìm hướng khắc phục thông qua các hình thức: gia hạn nợ, chứng khoán hóa các khoản nợ. Nếu khách hàng chấp thuận thực thi phương án khắc phục thì khoản nợ đó sẽ được chuyển sang hình thức theo dõi nợ bình thường, còn không sẽ chuyển sang bộ phận nợ xấu. Hiện nay, đang tồn tại 2 loại xử lý nợ:

- *Một là*, hình thức xử lý khai thác: bao gồm cho vay thêm, bổ sung tài sản bảo đảm, chuyển nợ quá hạn, thực hiện khoanh nợ xóa nợ, chỉ định đại diện tham gia quản trị doanh nghiệp.
- *Hai là*, hình thức xử lý các biện pháp thanh lý: bao gồm xử lý nợ tồn đọng (bao gồm nợ tồn đọng có tài sản bảo đảm, và không có tài sản đảm bảo); thanh lý doanh nghiệp, khởi kiện, bán nợ cho các tổ chức được phép mua bán nợ (như DATC, VAMC..), sử dụng dự phòng rủi ro và sự trợ giúp của Chính phủ. (đối với các khoản cho vay có chỉ định).

1.3.4 Kiểm soát rủi ro tín dụng tại ngân hàng thương mại

Kiểm soát rủi ro tín dụng là một nội dung của quản trị rủi ro tín dụng được thực hiện song song với hoạt động quản trị rủi ro nhằm mục tiêu: (i) phòng, chống và kiểm soát các rủi ro có thể phát sinh trong hoạt động ngân hàng (ii) đảm bảo toàn bộ các hoạt động, các bộ phận và từng cá nhân trong ngân hàng đều tuân thủ các quy định của pháp luật, tuân thủ và thực hiện các chiến lược, chính sách, quy trình và quyết định của các cấp thẩm quyền, đảm bảo mục tiêu an toàn và hiệu quả trong hoạt động của ngân hàng.

Kiểm soát rủi ro tín dụng bao gồm kiểm soát trước khi cho vay, trong khi cho vay và sau khi cho vay.

Kiểm soát rủi ro tín dụng bao gồm kiểm soát đơn (kiểm soát độc lập của ngân hàng) và kiểm soát kép. Kiểm soát kép là quá trình kiểm soát có sự tham gia của nhiều tổ chức như: cơ quan Thanh tra NHNN và bộ phận kiểm soát của ngân hàng (bao gồm có bộ phận kiểm soát, kiểm tra nội bộ, quản trị tín dụng), ngoài ra cần có sự tham gia của các cơ chế giám sát bên ngoài như các cơ quan kiểm toán độc lập, ủy ban giám sát tài chính, và đặc biệt là sự giám sát của thị trường.

1.4 Kinh nghiệm QT RRTD tại một số NHTM và bài học kinh nghiệm cho Á Châu

1.4.1 Kinh nghiệm quản trị rủi ro tín dụng tại một số NHTM

1.4.1.1 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank)

VietinBank đã chuyển đổi mô hình tổ chức bộ máy tín dụng trong toàn hệ thống với các chức năng độc lập, đảm bảo tính chuyên nghiệp cao, tăng cường khả năng giám sát giữa các chức năng, theo đó chức năng nghiên cứu tham mưu để ban hành các chính sách tín dụng được tách biệt với chức năng quản lý khách hàng, thẩm định và đề xuất tín dụng (Phòng khách hàng); Thẩm định rủi ro và quản lý danh mục tín dụng (Phòng Quản lý rủi ro); Theo dõi và quản lý các khoản nợ bị suy giảm khả năng trả nợ (Phòng Quản lý nợ có vấn đề); Kiểm tra, giám sát tín dụng độc lập (Ban kiểm tra, kiểm soát nội bộ).

Cơ chế, chính sách điều hành tín dụng của VietinBank được thực hiện tập

trung và có sự phân quyền đến các cá nhân, đơn vị, đảm bảo các giới hạn chấp nhận nhận RRTD thông qua các tiêu chuẩn cấp tín dụng. Kết quả quy mô tín dụng của VietinBank ngày càng phát triển đạt 720 nghìn tỷ đồng, tăng 18% so với năm 2015; Chất lượng tín dụng được nâng cao đưa tỷ lệ nợ xấu dưới 1% đã trở thành một trong những Ngân hàng có tỷ lệ nợ xấu thấp nhất.

1.4.1.2 Ngân hàng Quốc tế (VIB)

Tại VIB có những phòng, ban chuyên trách, mô hình đồng nhất, nhất quán từ các đơn vị kinh doanh đến bộ phận hỗ trợ. Mô hình 3 tầng gồm; Đơn vị kinh doanh- Đơn vị quản lý- Kiểm soát nội bộ, giúp VIB tăng cường vai trò quản lý và kiểm tra hoạt động của các đơn vị kinh doanh nói riêng và của hệ thống nói chung, đồng thời phòng ngừa lỗ hổng do các hình thức rủi ro gây ra như; chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố. Từ đó đã khắc phục được vấn đề hạn chế trong công tác quản trị rủi ro ở Việt Nam đó là có quá ít hoặc quá nhiều dữ liệu nhưng không phù hợp cho quá trình phân tích đánh giá cơ hội hoặc dự phòng rủi ro.

1.4.2 Bài học kinh nghiệm cho ngân hàng Á Châu

Qua cách quản trị rủi ro tại một số ngân hàng đã trình bày ở trên cho thấy công tác quản trị rủi ro tín dụng đóng vai trò quan trọng trong hoạt động kinh doanh tại các NHTM. Từ đó chúng ta rút ra được một số kinh nghiệm sau:

- Hoàn thiện bộ máy quản trị rủi ro tín dụng từ Hội sở chính đến các đơn vị trực thuộc với sự phân cấp rõ ràng về mức phán quyết, chức năng và nhiệm vụ .
- Bộ phận tín dụng được chia thành các bộ phận khác nhau, hoạt động độc lập để đảm bảo tính khách quan trong công tác tín dụng như: Bộ phận quan hệ khách hàng (tập trung chủ yếu vào hoạt động tiếp thị, tiếp xúc khách hàng, khởi tạo tín dụng); Bộ phận quản trị rủi ro tín dụng (tập trung thực hiện công tác thẩm định tín dụng độc lập và đưa ra các ý kiến về cấp tín dụng cũng như giám sát quá trình thực hiện các quyết định tín dụng của bộ phận quan hệ khách hàng); Bộ phận tác nghiệp (thực hiện thủ tục giải ngân, thu nợ và lưu giữ hồ sơ...)

KẾT LUẬN CHƯƠNG I

Nội dung Chương 1 đã khái quát những nội dung cơ bản về rủi ro tín dụng của ngân hàng trong đó những nội dung về khái niệm, nguyên nhân và hậu quả của rủi ro tín dụng đến hoạt động của ngân hàng. Một nội dung quan trọng trong chương này đó là quản trị rủi ro tín dụng, làm rõ khái niệm về quản trị rủi ro tín dụng, mục tiêu, yêu cầu của quản trị rủi ro tín dụng, nội dung của quản trị rủi ro tín dụng bao gồm: nhận biết rủi ro tín dụng, phân tích đánh giá rủi ro tín dụng, ứng phó rủi ro tín dụng và kiểm soát rủi ro tín dụng. Bên cạnh đó, chương này nghiên cứu các mô hình đo lường, mô hình quản trị rủi ro tín dụng hiện nay đang được các ngân hàng sử dụng cùng với việc tuân thủ Hiệp ước Basel trong quản trị rủi ro tín dụng.

Chương 2: THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG TMCP ACB

2.1 Giới thiệu về Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu

2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt: Ngân hàng Á Châu
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: Asia Commercial Joint Stock Bank
- Tên viết tắt bằng tiếng Anh: ACB
- Địa chỉ: 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 05, Quận 3, Tp.HCM
- Slogan: Ngân hàng của mọi nhà

ACB là một trong những ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu tại Việt Nam, với hệ thống mạng lưới chi nhánh rộng khắp và hơn 12.000 nhân viên làm việc, với nhiều loại hình sản phẩm, dịch vụ đa dạng.

Với nhiều năm hoạt động trên thị trường ACB đã và đang lấy được vị thế của một ngân hàng hàng đầu, với quy tắc hoạt động là quản lý chuyên nghiệp, tăng trưởng bền vững, thu nhập chính đáng, lợi nhuận mức hợp lý.

Ngành nghề kinh doanh của ACB đa dạng như huy động vốn, cho vay, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá, hùn vốn, bảo hiểm, dịch vụ thanh toán, mua bán vàng, môi giới và tư vấn đầu tư chứng khoán, cho thuê tài chính, lưu ký, tư vấn tài chính doanh nghiệp và bảo lãnh phát hành...

Hiện tại, Ngân hàng ACB sở hữu hơn 350 chi nhánh và phòng giao dịch với không gian giao dịch hiện đại, 11.000 máy ATM và 850 đại lý Western Union đang hoạt động rộng khắp 47 tỉnh thành trong cả nước. Tổng số nhân viên đang làm việc gần 10.000 người, nhân viên đã tốt nghiệp đại học trở lên chiếm 100%.

Bên cạnh đó, Ngân hàng ACB cũng sở hữu cho mình không ít các công ty con/trực thuộc. Có thể kể đến một vài cái tên nổi bật như: Công ty Chứng khoán

ACB (ACBS), Công ty cho thuê tài chính ACB (ACBL), Công ty Quản lý nợ và khai thác tài sản ACB (ACBA), Công ty Quản lý Quỹ ACB (ACBC).

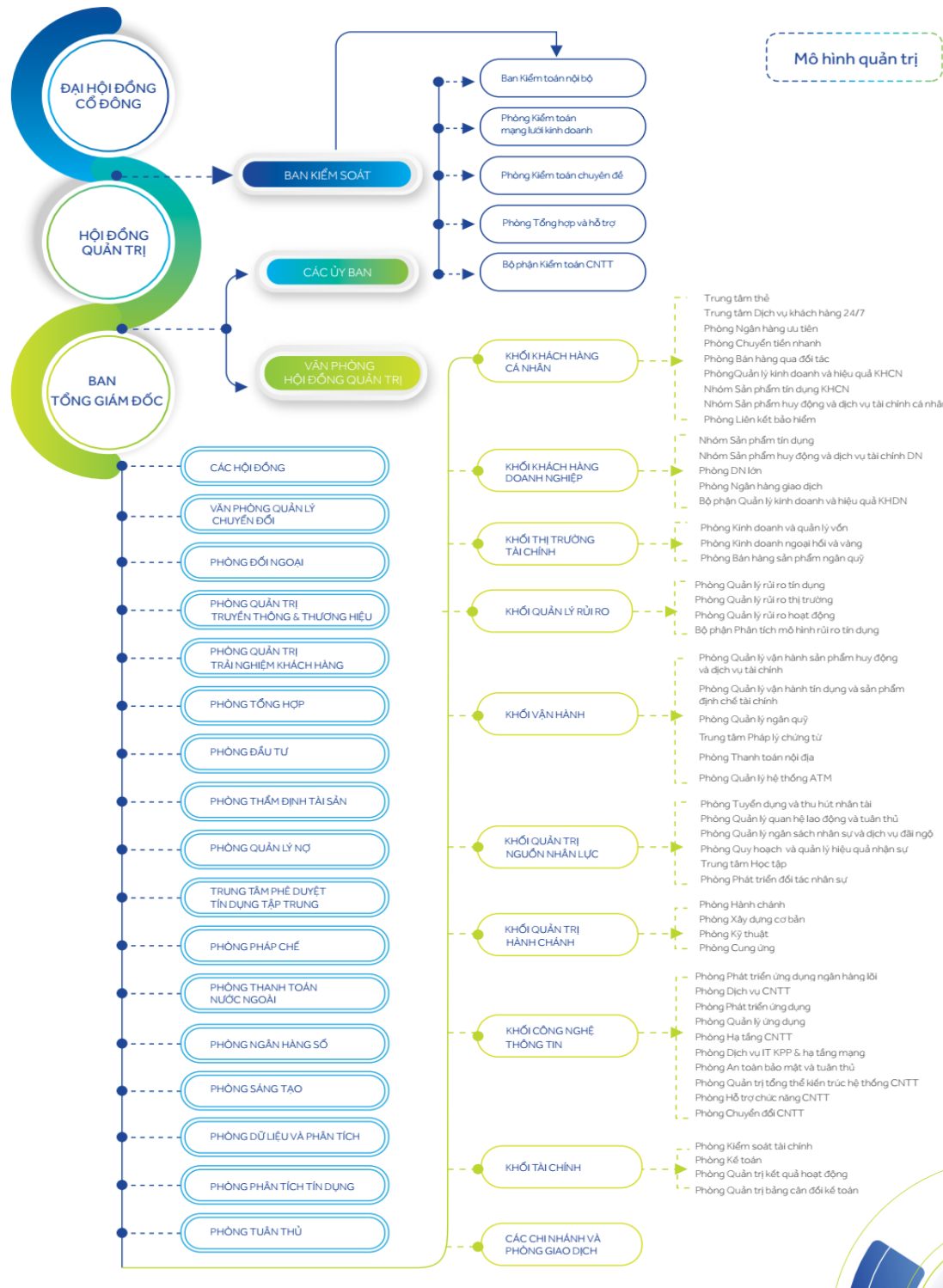
Một số cột mốc thời gian đáng lưu ý trong quá trình hình thành và phát triển của ACB:

- Ngày thành lập: Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu (ACB) được thành lập theo Giấy phép số 0032/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 24/4/1993, và Giấy phép số 533/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Tp. HCM cấp ngày 13/5/1993. Ngày 04/6/1993, ACB chính thức đi vào hoạt động.
- Giai đoạn 1993 - 1995: Đây là giai đoạn hình thành ACB, những người sáng lập ACB có năng lực tài chính, học thức và kinh nghiệm thương trường, cùng chia sẻ một nguyên tắc kinh doanh là “quản lý sự phát triển của doanh nghiệp an toàn, hiệu quả”.
- Giai đoạn 1996 - 2000: ACB là ngân hàng thương mại cổ phần đầu tiên của Việt Nam phát hành thẻ tín dụng quốc tế MasterCard và Visa.
- Giai đoạn 2001 – 2005: ACB xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 trong các lĩnh vực (i) huy động vốn, (ii) cho vay ngắn hạn và trung dài hạn, (iii) thanh toán quốc tế và (iv) cung ứng nguồn lực tại Hội sở.
- Giai đoạn 2006 - 2010: ACB niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào tháng 10/2006. Trong giai đoạn này, ACB đẩy nhanh việc mở rộng mạng lưới hoạt động, đã thành lập mới và đưa vào hoạt động cả thảy 223 chi nhánh và phòng giao dịch, tăng từ 58 đơn vị vào cuối năm 2005 lên 281 đơn vị vào cuối năm 2010.
- Tháng 01/2011: Ban hàng định hướng chiến lược phát triển của ACB giai đoạn 2011- 2015 và tầm nhìn 2020. Trong đó nhấn mạnh đến chương trình chuyển đổi hệ thống quản trị điều hành phù hợp với các quy định pháp luật Việt Nam và hướng đến áp dụng các thông lệ quốc tế tốt nhất. Trong năm, ACB đưa vào hoạt động thêm 45 chi nhánh và phòng giao dịch, cuối năm ACB đã khánh thành Trung tâm Dữ liệu dạng mô-đun (enterprise module data center).
- Năm 2012, sự cố tháng 8/2012 đã tác động đáng kể đến nhiều mặt hoạt động của ACB, đặc biệt là huy động và kinh doanh vàng. ACB đã ứng phó tốt sự cố rút tiền xảy ra trong tuần cuối tháng 8; và nhanh chóng khôi phục toàn bộ

số dư huy động tiết kiệm VND chỉ trong thời gian 2 tháng sau đó. Đáng lưu ý là tuy tổng tiền gửi khách hàng có giảm nhưng huy động tiết kiệm VND của ACB tăng trưởng 16,3% so đầu năm.

2.1.2 Mô hình tổ chức

Để nâng cao năng lực vận hành cũng như tổ chức hoạt động kinh doanh, tạo nền tảng cho việc triển khai các giải pháp theo chiến lược phát triển Ngân hàng đến năm 2025. Cơ cấu tổ chức hiện tại của ACB như sau:



Hình 2.1: Cơ cấu tổ chức hoạt động tại ACB

(Nguồn: Báo cáo thường niên ACB 2019)

2.1.3 Tình hình hoạt động tín dụng tại Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu 2017-2019

Bảng 2.1: Tình hình tài chính của ACB 2019

Tình hình tài chính	2019 (tỷ đồng)	2018 (tỷ đồng)	+/- (%)	2017 (tỷ đồng)
Tài sản				
Tổng tài sản (TTS)	383.514	329.333	16	289.323
Tiền, vàng gửi và cho các TCTD khác vay	30.442	18.910	61	16.010
Cho vay khách hàng	268.701	230.527	17	190.327
Đầu tư tài chính	59.672	55.337	8	51.323
Tiền gửi của khách hàng	308.129	269.999	14	239.009
Tiền gửi và vay TCTD khác	19.249	20.718	-7	18.758
Vốn chủ sở hữu (VCSH)	27.765	21.018	32	17.518
Vốn điều lệ	16.627	12.886	29	12.886
Thu nhập và chi phí (tỷ đồng)				
Thu nhập lãi thuần	12.112	10.363	17	8.563
Thu nhập ngoài lãi	3.985	3.670	9	2.675
Chi phí hoạt động	8.308	6.712	24	4.752
Chi phí dự phòng	274	932	-71	562
Lợi nhuận trước thuế	7.516	6.389	18	5.089
Lợi nhuận sau thuế	6.010	5.137	17	4.187

(Nguồn: Báo cáo thường niên ACB năm 2019)

Bảng 2.2: Các chỉ tiêu tài chính				
<i>Đơn vị tính: %, tỷ đồng</i>				
Các chỉ số hoạt động	2019	2018	+/- (%)	2017
Tỷ lệ an toàn vốn				
CAR (%)	10,91	10,05	0,86	9,35
CAR cap 1 (%)	9,66	8,59	1,07	8,19
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản (%)	7,24	6,38	0,86	5,88
Vốn chủ sở hữu/Tổng cho vay khách hàng (%)	10,33	9,12	1,21	7,92
Khả năng thanh toán				
Dư nợ cho vay/TTS (%)	70,06	70,00	0,06	70,00
Tổng dư nợ/Tổng tiền gửi khách hàng (%)	77,55	77,47	0,08	77,47
Chất lượng tài sản				
Nợ xấu N3-5 (tỷ đồng)	1.449	1.675	-13	1.875
Nợ quá hạn N2-5 (tỷ đồng)	2.080	2.058	1	2.078
Nợ xấu/Tổng dư nợ (%)	0,54	0,73	-0,19	0,81
Nhóm 5/Tổng nợ xấu (%)	62,31	69,5	-7,18	72,5
Nợ quá hạn/Tổng dư nợ (%)	0,77	0,89	-0,12	9,09
Quy dự phòng rủi ro tín dụng/Tổng nợ xấu (%)	174,95	151,89	23,06	131,29
(Vốn chủ sở hữu+Dự phòng)/Tổng nợ xấu(số lần)	19,15	12,55	6,60	11,15

(Nguồn: Báo cáo thường niên ACB năm 2019)

Từ bảng 2.1 và bảng 2.2 chúng ta thấy các chỉ tiêu tài chính quan trọng đều có sự tăng trưởng tốt qua các năm. Đặc biệt là chỉ tiêu Tiền, vàng gửi và cho các TCTD khác vay tăng trưởng 61%, Vốn chủ sở hữu tăng 32%, vốn điều lệ tăng trưởng 29%, thu nhập lãi thuần tăng 17%, chi phí dự phòng giảm 71%, lợi nhuận trước thuế tăng trưởng 18%.

Quan sát hiệu suất của Các chỉ tiêu tài chính quan trọng được cải thiện tốt như: nợ nhóm 5/tổng nợ xấu giảm 7%, quỹ dự phòng rủi ro tín dụng/tổng nợ xấu tăng 23%, vốn chủ

sở hữu + dự phòng/tổng nợ xấu tăng 6,6 lần, nợ xấu nhóm 3-nhóm 5 giảm 13 tỷ đồng.

Tuy các chỉ tiêu của ACB trong giai đoạn 2017-2019 đều khá tốt, nhưng các chỉ tiêu về chất lượng tài sản gần như không có nhiều thay đổi, chủ yếu hiệu suất được cải thiện bởi việc gia tăng vốn chủ sở hữu và bổ sung quỹ dự phòng rủi ro nhằm đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn, các biện pháp cải thiện trực tiếp hoạt động cho vay và thu hồi nợ xấu quan sát các chỉ số trong bảng chúng ta không thấy có nhiều sự thay đổi trên các chỉ tiêu này.

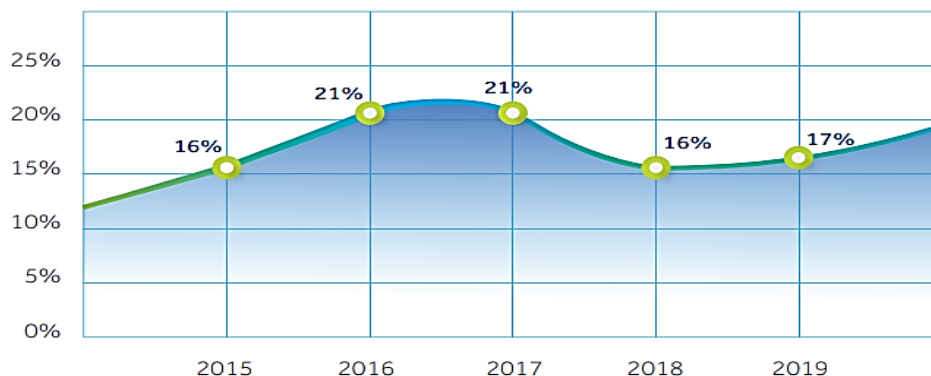
2.2 Thực trạng hoạt động quản trị rủi ro tín dụng tại ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu

2.2.1 Thực trạng hoạt động tín dụng tại ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu từ năm 2017-2019

2.2.1.1 Tình hình tăng trưởng tín dụng của Ngân hàng Á Châu

Hoạt động kinh doanh tín dụng là hoạt động kinh doanh truyền thống và chiếm tỷ trọng lớn trong danh mục kinh doanh của Ngân hàng thương mại nói chung và Ngân hàng Á Châu cũng không ngoại lệ. Do vậy, tăng trưởng tín dụng là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu của Ngân hàng.

% Tăng trưởng dư nợ cho vay



Hình 2.2: Tăng trưởng dư nợ cho vay của Ngân hàng ACB qua các năm

(Nguồn: Báo cáo thường niên ACB năm 2019)

Quan sát Bảng tăng trưởng tín dụng qua các năm của ACB chúng ta thấy ACB có mức tăng trưởng tín dụng tương đối tốt qua các năm từ năm 2015 đến năm 2019 với mức tăng trưởng bình quân khoảng 18%/năm. Trong đó giai đoạn 2016-

2018 là giai đoạn tăng trưởng tín dụng tốt nhất của ACB với mức tăng trưởng bình quân > 15%/năm.

2.2.1.2 Cơ cấu tín dụng của ngân hàng TMCP Á Châu

Cơ cấu tín dụng có vai trò rất quan trọng đối với Ngân hàng, cơ cấu tín dụng giúp cho ngân hàng phân loại danh mục cho vay thiết kế sản phẩm cho vay theo tiêu chí cơ cấu, định hướng chính sách cho vay và chính sách quản trị dựa trên danh mục cho vay khách hàng. Hiện tại ngân hàng TMCP ACB cơ cấu tín dụng dựa trên các 05 tiêu chí sau: Cơ cấu theo loại hình cho vay, cơ cấu theo đối tượng khách hàng, cơ cấu theo chất lượng nợ vay, cơ cấu theo kỳ hạn cho vay, cơ cấu theo loại tiền tệ.

Cơ cấu theo loại hình cho vay

Bảng 2.3: Cơ cấu cho vay theo loại hình cho vay

STT	Chỉ tiêu	31.12.2019 Triệu VND	31.12.2018 Triệu VND
1	Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	265.821.642	227.652.474
2	Cho vay chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá	155.744	96.798
3	Cho thuê tài chính	1.039.817	815.001
4	Các khoản trả thay khách hàng	199	199
5	Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	3.901	9.651
6	Cho vay giao dịch ký quỹ	1.679.238	1.953.097
Tổng cộng		268.700.541	230.527.220

(Nguồn: Báo cáo thường niên ACB năm 2019)

Quan sát bảng 2.3 chúng ta hạng mục cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước chiếm tỷ trọng chủ yếu trong danh mục cho vay của Ngân hàng với khoảng 265.821 tỷ đồng tương ứng khoảng 99% tổng mức cấp tín dụng ngân hàng.

Cơ cấu theo đối tượng khách hàng

Bảng 2.4: Cơ cấu theo đối tượng cho vay

STT	Chỉ tiêu	31.12.2019 <i>Triệu VND</i>	31.12.2018 <i>Triệu VND</i>
1	Doanh nghiệp nhà nước	1.193.119	1.407.230
2	Công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp tư nhân	103.724.193	94.574.467
3	Công ty liên doanh	529.697	788.056
4	Công ty 100% vốn nước ngoài	880.866	612.238
5	Hợp tác xã	212.340	102.671
6	Cá nhân và đối tượng khác	162.160.326	133.042.558
Tổng cộng		268.700.541	230.527.220

(Nguồn: Báo cáo thường niên ACB năm 2019)

Quan sát cơ cấu danh mục cho vay theo đối tượng khách hàng chúng ta thấy danh mục cho vay của Ngân hàng ACB chủ yếu tập trung vào hai khoản mục chính là cho vay khách hàng doanh nghiệp với 103 nghìn tỷ đồng tương ứng ~ 40% và cho vay khách hàng cá nhân/Hộ kinh doanh với 162 nghìn tỷ đồng tương ứng khoảng 65% tổng dư nợ cho vay của Ngân hàng.

Cơ cấu theo chất lượng nợ cho vay

Bảng 2.5: Cơ cấu theo chất lượng nợ cho vay

STT	Chỉ tiêu	31.12.2019 <i>Triệu VND</i>	31.12.2018 <i>Triệu VND</i>
1	Nhóm 1 – Nợ đủ tiêu chuẩn	264.940.868	226.515.993
2	Nhóm 2 – Nợ cần chú ý	631.083	383.152
3	Nhóm 3 – Nợ dưới tiêu chuẩn	235.338	172.866
4	Nhóm 4 – Nợ nghi ngờ	310.859	338.018
5	Nhóm 5 – Nợ có khả năng mất vốn	903.155	1.164.094
6	Cho vay giao dịch ký quỹ	1.679.238	1.953.097
Tổng cộng		268.700.541	230.527.220

(Nguồn: Báo cáo thường niên ACB năm 2019)

Quan sát bảng 2.5 chúng ta thấy chất lượng khoản vay tại ACB được kiểm soát khá tốt khi danh mục Nhóm 1 – Nợ đủ tiêu chuẩn chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng dư nợ cho vay tương ứng khoảng 98,6% Nợ quá hạn chiếm tỷ trọng nhỏ chỉ có 1,4% tổng dư nợ cho vay của Ngân hàng.

Cơ cấu theo kỳ hạn cho vay

Bảng 2.6: Cơ cấu theo kỳ hạn cho vay

STT	Chỉ tiêu	31.12.2019 <i>Triệu VND</i>	31.12.2018 <i>Triệu VND</i>
1	Ngắn hạn	144.794.684	122.528.506
2	Trung hạn	18.457.541	17.745.649
3	Dài hạn	105.448.316	90.253.065
Tổng cộng		268.700.541	230.527.220

(Nguồn: Báo cáo thường niên ACB năm 2019)

Quan sát bảng 2.6 chúng ta thấy danh mục cho vay của ngân hàng tập trung chủ yếu trong 02 khoản mục: cho vay ngắn hạn với dư nợ gần 145 nghìn tỷ đồng tương ứng với tỷ trọng 54% trong tổng dư nợ cho vay, cho vay dài hạn với dư nợ hơn 105 nghìn tỷ đồng tương ứng 39% trong tổng dư nợ cho vay. Dư nợ cho vay trung hạn chiếm trọng nhỏ khoảng 7% trên tổng dư nợ cho vay.

Cơ cấu theo loại tiền tệ

Bảng 2.7: Cơ cấu theo loại tiền tệ

STT	Chỉ tiêu	31.12.2019 <i>Triệu VND</i>	31.12.2018 <i>Triệu VND</i>
1	Cho vay bằng đồng Việt Nam	261.404.653	223.150.196
2	Cho vay bằng ngoại tệ và vàng	7.295.888	7.377.024
Tổng cộng		268.700.541	230.527.220

(Nguồn: Báo cáo thường niên ACB năm 2019)

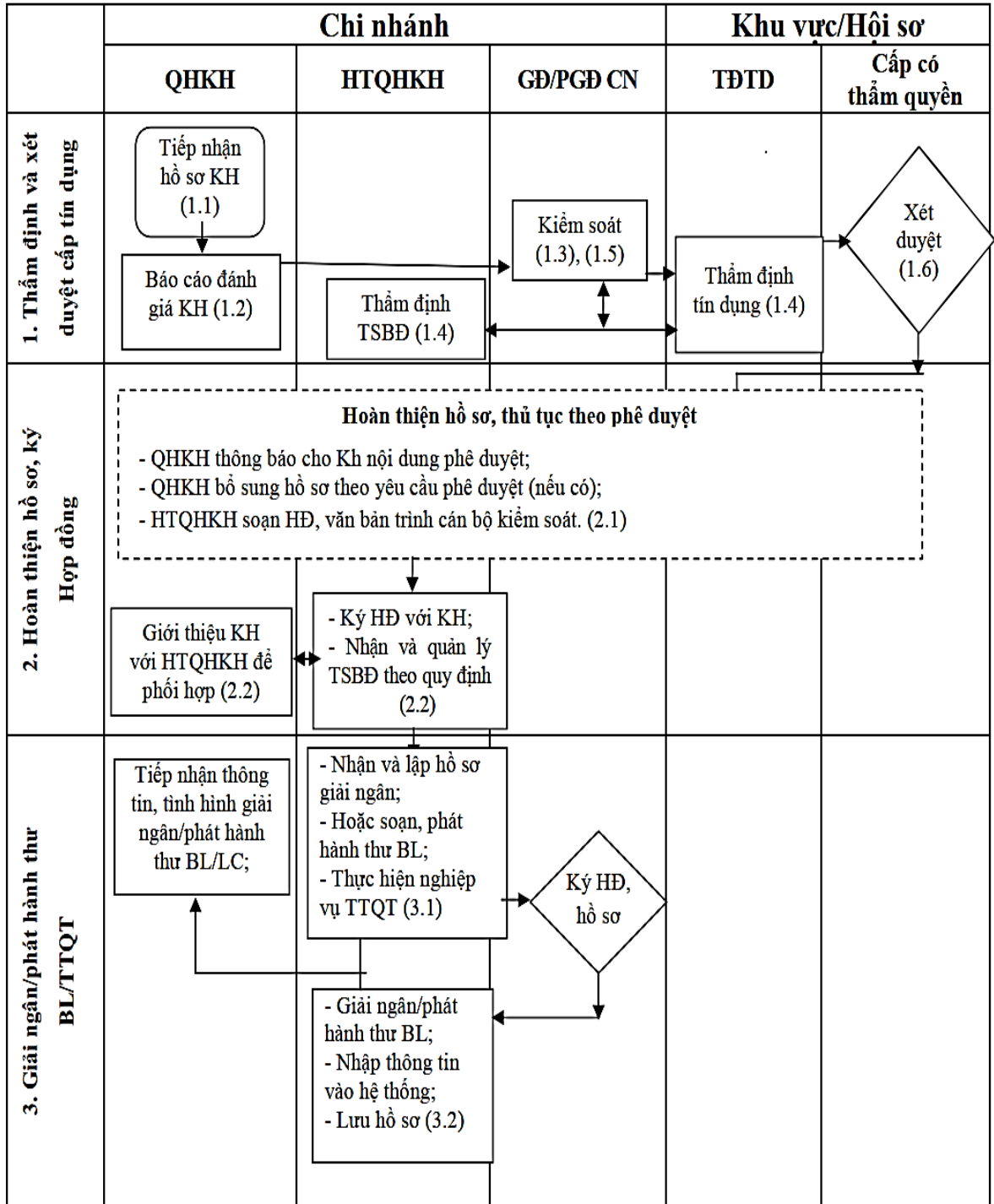
Quan sát bảng 2.7 chúng ta thấy Ngân hàng ACB chủ yếu cho vay bằng tiền Việt Nam đồng tương ứng với 261 nghìn tỷ đồng và chiếm 97,2% tổng dư nợ cho vay, cho vay bằng vàng và ngoại tệ chỉ chiếm 2,8% tổng danh mục cho vay của ngân hàng.

2.2.2 Thực trạng quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu

Thực trạng quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Á Châu được xem xét, đánh giá trên các khâu thực hiện quản trị rủi ro tín dụng: Nhận biết rủi ro tín dụng, đo lường rủi ro tín dụng, ứng phó rủi ro tín dụng, kiểm soát rủi ro tín dụng.

2.2.2.1 Nhận biết rủi ro tín dụng

Dấu hiệu của rủi ro tín dụng có thể phát sinh từ khách hàng hoặc từ chính ngân hàng trong quá trình tiếp nhận thẩm định và phê duyệt hồ sơ tín dụng. Đối với những dấu hiệu rủi ro tín dụng phát sinh từ chính ngân hàng, bộ phận rủi ro tín dụng thực hiện kiểm tra, rà soát định kỳ quá trình thực hiện thẩm định phê duyệt hồ sơ khách hàng và sự tuân thủ của khách hàng, đánh giá năng lực cán bộ trực tiếp quan hệ khách hàng. Về những dấu hiệu từ phía khách hàng, ngân hàng có thể phát hiện rủi ro tín dụng thông qua quá trình thẩm định và phê duyệt hồ sơ vay của khách hàng. Quy trình tiếp nhận, thẩm định và phê duyệt hồ sơ tín dụng được thực hiện như sau:



Sơ đồ 2.1: Quy trình tiếp nhận và cấp tín dụng cho khách hàng tại ACB, nguồn: Quy trình cho vay tại ACB.

(Nguồn: Quy trình cho vay và QTRRTD tại ACB)

Quy trình cho vay tại ACB được chia các Công đoạn như sau:

Công đoạn 1: Tiếp cận nhận hồ sơ, thẩm định và phê duyệt tín dụng

Bước 1.1: Tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp tín dụng từ khách hàng

Bước 1.2: Lập tờ trình cấp tín dụng, báo cáo đề xuất cấp tín dụng

Bước 1.3: Trình hồ sơ đề nghị cấp tín dụng của khách hàng đến các cấp kiểm soát tại chi nhánh/PGD

Bước 1.4: Chuyển hồ sơ cấp tín dụng đến thẩm định tài sản bảo đảm (HO) và chuyên viên phê duyệt tín dụng tại hội sở

Bước 1.5: Trình hồ sơ đề nghị cấp tín dụng hoàn chỉnh đến trưởng đơn vị

Bước 1.6: Trình hồ sơ cấp tín dụng đến cấp phê duyệt phù hợp (chuyên viên phê duyệt tín dụng thực hiện trình)

Công đoạn 2: Ký hợp đồng tín dụng và hoàn thiện hồ sơ khách hàng.

Công việc này chủ yếu do chuyên viên hỗ trợ khách hàng thực hiện gồm: kiểm soát hồ sơ cấp tín dụng và nội dung phê duyệt cấp tín dụng, soạn thảo hợp đồng và liên hệ khách hàng để ký hợp đồng và hoàn thiện hồ sơ của khách hàng, lưu hồ sơ theo quy định.

Công đoạn 3: Giải ngân/phát hành thư bảo lãnh/Thanh toán quốc tế.

Bước 1: Tiếp nhận yêu cầu của khách hàng và soạn thảo hồ sơ chứng từ, ký hợp đồng với khách hàng.

Bước 2: Thực hiện giải ngân/phát hành BL/ TTQT

Tất cả cá nhân sau phê duyệt đều được thực hiện tại trung tâm phê duyệt tập trung tại hội sở, đơn vị có trách nhiệm tiếp nhận yêu cầu giải ngân/phát hành bảo lãnh thanh toán và hoàn thiện hồ sơ yêu cầu gửi đề nghị phê duyệt đến hội sở và phối hợp phê duyệt hồ sơ yêu cầu, khi nhận kết quả phê duyệt trả về đơn vị thực hiện giải ngân/phát hành BL theo nội dung phê duyệt của Hội sở.

Để hạn chế các khoản nợ xấu và nợ có vấn đề trong danh mục cấp tín dụng của ngân hàng, điều quan trọng đối với các nhà quản lý rủi ro tín dụng tại ngân hàng là phải sớm nhận biết những khoản nợ có vấn đề, từ đó phân loại khoản vay và có những biện pháp phòng ngừa, biện pháp quản lý khoản vay và xử lý kịp thời. Để thực hiện nội dung này ACB đang thực hiện nhận dạng rủi ro tín dụng thông qua

quy trình thẩm định và phê duyệt hồ của khách hàng, từ đó ngân hàng ACB sẽ phát hiện những dấu hiệu rủi ro tín đến từ khách hàng, cụ thể:

- Việc thẩm định và phê duyệt cấp tín dụng được thực hiện tại đơn vị và Hội sở Ngân hàng và phải được thực hiện theo quy định tại “Định hướng chính sách tín dụng và quản trị rủi ro tại ngân hàng ACB”, “Quy trình cho vay và kiểm soát sau cho vay tại ngân hàng ACB”. Quy định rõ nhiệm vụ trách nhiệm của từng bộ phận.
 - + Đối với cán bộ tín dụng tại đơn vị khi tiếp nhận hồ sơ đề nghị vay vốn của khách hàng cần thực hiện kiểm tra tính hợp lệ và hợp pháp của các chứng từ do khách hàng theo hướng dẫn kiểm tra pháp lý của ngân hàng được quy định trong quy trình cho vay và kiểm soát tín dụng. Sau khi kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ đề nghị cấp tín dụng do khách hàng cung cấp, cán bộ tín dụng báo cáo cấp quản lý và trưởng đơn vị để thực hiện thẩm định trực tiếp (lần đầu) hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của khách hàng nhằm phát hiện các dấu hiệu rủi ro, gian lận (nếu có), đơn vị có quyền từ chối hồ sơ của khách hàng trong trường hợp phát hiện các dấu hiệu dẫn đến rủi ro trong quá trình thực hiện thẩm định trực tiếp.
 - + Cán bộ thẩm định tài sản có trách nhiệm thẩm định hồ sơ tài sản đảm bảo và kiểm tra tính hợp lý hợp pháp của hồ sơ theo quy định của pháp luật và ngân hàng, đồng thời định giá giá trị thị trường của TSBĐ do khách hàng cung cấp làm cơ sở cấp tín dụng phù hợp. Trường hợp phát hiện các dấu hiệu rủi ro tín dụng có thể phát sinh từ tài sản thế chấp của khách hàng, cán bộ thẩm định TSBĐ có thể đưa ra khuyến cáo cho đơn vị làm cơ sở từ chối hồ sơ khách hàng. Thường xuyên thực hiện đánh giá lại TSBĐ để phát hiện sớm các rủi ro có thể phát sinh từ TSBĐ (đối với TSBĐ là BĐS thực hiện 01 lần/năm, TBSĐ là động sản máy móc thiết bị thực hiện định giá lại định kỳ hàng 6 tháng)
 - + Đối với cán bộ phê duyệt tại hội sở, có trách nhiệm thẩm định lại (tái thẩm định) hồ sơ trình cấp tín dụng do đơn vị đề xuất, đây là khâu quan trọng nhất trong việc phát hiện dấu hiệu rủi ro tín dụng từ khách hàng, cán bộ thẩm định tại hội sở là những người có kinh nghiệm lâu năm và năng lực chuyên môn tốt phát hiện những dấu hiệu rủi ro từ khách hàng mà đơn vị do những

hạn chế về mặt năng lực chuyên môn. Cán bộ thẩm định hội sở sẽ thực hiện thẩm định độc lập với đơn vị nhằm đảm bảo những yếu tố khách quan trong quá trình phát hiện dấu hiệu rủi ro tín dụng.

- Hoạt động kiểm tra, kiểm soát sau cho vay: Đối với bộ phận kiểm soát tín dụng và sau giải ngân: Thực hiện chặt chẽ các quy định về kiểm tra và kiểm soát tại thời điểm giải ngân, đánh giá tính tuân thủ của khách hàng với các điều kiện phê duyệt cho vay. Sau giải ngân thường xuyên thực hiện kiểm tra định kỳ/đợt khoản vay theo quy định xuất nhằm phát hiện các khoản vay có vấn đề, phối hợp chặt chẽ với đơn vị theo dõi và báo cáo về các khoản vay phát sinh chậm thanh toán, cần chú ý. Đề xuất biện pháp xử lý kịp thời các khoản vay có khả năng phát sinh nợ có vấn đề, nợ xấu.

2.2.2.2 Đo lường rủi ro tín dụng

Việc đo lường rủi ro tín dụng tại Ngân hàng ACB được áp dụng thông tư 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013 của NHNN “quy định về phân loại tài sản có, mức trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng” và thông tư 09/2014/TT-NHNN ngày 18/03/2014 sửa đổi bổ sung một số điều khoản tại thông tư 02/2013/TT-NHNN.

Để đo lường rủi ro tín dụng ACB đã xây dựng hệ thống chấm điểm và xếp hạng tín dụng, việc thực hiện chấm điểm và xếp hạng tín dụng tại ACB được quy định theo công văn số 112/2012/QĐ-ACB/QTRR-XHTDKH ngày 22/06/2012 do Tổng Giám đốc ACB ban hành.

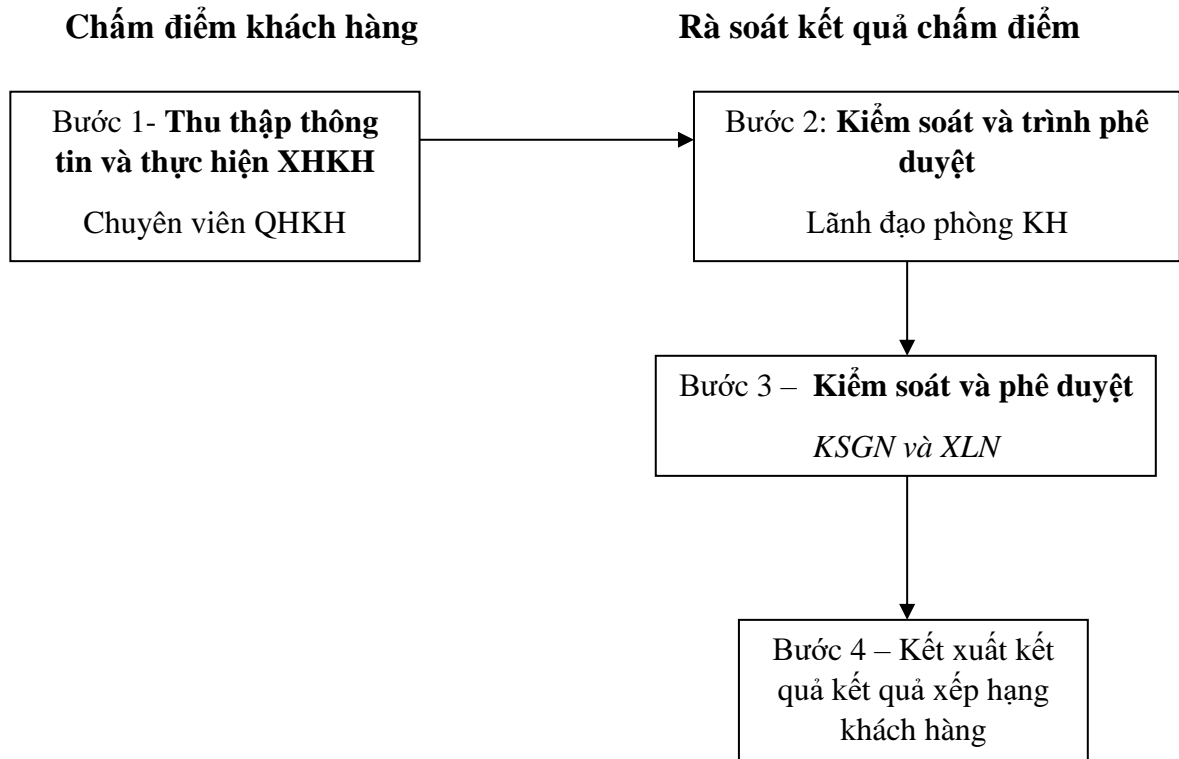
Tiêu chí xếp hạng tín dụng:

Tiêu chí xếp hạng tín dụng tại ACB gồm 02 tiêu là tiêu chí định tính và tiêu chí định lượng:

- Tiêu chí định tính bao gồm: Kinh nghiệm kinh doanh của chủ doanh nghiệp/hộ kinh doanh, năng lực quản trị của ban điều hành doanh nghiệp, lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp trong nhóm lĩnh vực kinh doanh, lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp trong ngành kinh doanh chính, năng lực quản trị tài chính của ban điều hành doanh nghiệp,....
- Bộ chỉ tiêu định lượng: phần lớn chỉ tiêu định lượng được dựa trên hồ sơ tài

chính do khách hàng gồm BCTC, kê khai thuế, sao kê tài khoản giao dịch ngân hàng/bảng kê theo dõi tình hình kinh doanh,... Bộ chỉ tiêu tài chính bao gồm các chỉ tiêu đánh giá: Hiệu quả kinh doanh như: doanh thu bán hàng, lợi nhuận trước thuế, lợi nhuận sau thuế TNDN,...các hệ số đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh như ROA, ROE, ROI, hệ số vòng quay vốn lưu động,...

Quy trình chấm điểm và xếp hạng tín dụng khách hàng tại ACB



Sơ đồ 2.2: Quy trình chấm điểm và xếp hạng tín dụng khách hàng

(Nguồn: PL01 công văn 112/2012/QĐ-ACB/QTRR-XHTDKH do ACB ban hành)

Bước 1 – Thu thập thông tin và thực hiện chấm điểm khách hàng: Chuyên viên quan hệ khách hàng (CV QHKH) có trách nhiệm thu thập các hồ sơ cần thiết, kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của thông tin theo quy định, thực hiện đánh giá các tiêu chí định tính và định lượng sau đó thao tác chấm điểm và xếp hạng khách hàng, sau đó đề xuất yêu cầu kiểm soát đến lãnh đạo phòng khách hàng và chuyển các hồ sơ chấm điểm đến lãnh đạo phòng khách hàng.

Bước 2 – Kiểm soát và trình phê duyệt hồ sơ chấm điểm và xếp hạng khách hàng: Trưởng phòng khách hàng sau khi nhận được hồ sơ chấm điểm của khách hàng có trách nhiệm kiểm soát công tác chấm điểm của CV QHKH đã thực hiện

theo quy định chưa, kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ.

Bước 3 – Kiểm soát và phê duyệt hồ sơ chấm điểm và xếp hạng khách hàng: Kiểm soát viên KSGN và XLN có trách nhiệm kiểm soát kết quả chấm điểm khách hàng và phê duyệt kết quả chấm điểm trên hệ thống.

Bước 4 – Kết quả chấm điểm và xếp hạng khách hàng: Chuyên viên quan hệ khách hàng kiểm tra kết quả chấm điểm và xếp hạng khách hàng từ hệ thống và xuất file cứng lưu hồ sơ (PDF).

Xếp hạng của khách hàng tại ACB được quy định theo bảng sau:

Bảng 2.8: Bảng xếp hạng khách hàng

Xếp hạng	Mức độ rủi ro	Thang điểm	Cấp tín dụng
AAA	Thấp	90-100	Đáp ứng tối đa nhu cầu cấp tín dụng
AA	Thấp	80-< 90	Đáp ứng tối đa nhu cầu cấp tín dụng
A	Thấp	73-< 80	Đáp ứng tối đa nhu cầu cấp tín dụng
BBB	Trung bình	70- < 73	Cấp tín dụng với hạn mức tùy thuộc vào phương án đảm bảo tiền vay
BB	Trung bình	63-< 70	Cấp Tín dụng nhưng phải xem xét kỹ lưỡng hiệu quả phương án vay vốn và đảm bảo
B	Trung bình	60- < 63	Không khuyến khích mở rộng dư nợ mà tập
CCC	Cao	56- < 60	Từ chối cấp tín dụng
CC	Cao	53- < 56	Từ chối cấp tín dụng
C	Cao	44- <53	Từ chối cấp tín dụng
D	Cao	< 44	Từ chối cấp tín dụng

(Nguồn: Hệ thống chấm điểm tín dụng và xếp hạng khách hàng tại ACB)

Kết quả chấm điểm và xếp hạng khách là căn cứ phân loại khách hàng làm cơ sở cho việc phê duyệt cho vay của khách hàng, XHKH là cơ sở cho việc mức cho vay, lãi suất cho vay của khách hàng,...

2.2.2.3 Ứng phó rủi ro tín dụng

Để ngăn chặn và ứng phó với rủi ro tín dụng Ngân hàng ACB thực hiện các công đoạn sau: Kiểm tra, kiểm soát sau cho vay; xây dựng định hướng chính sách cho vay và phân cấp phê duyệt tín dụng; phân loại và trích lập dự phòng rủi ro, nợ xấu và quản lý các nợ có vấn đề.

Quản lý và kiểm soát khoản cấp tín dụng

Việc quản lý tín dụng sau giải ngân/phát hành bảo lãnh có ý nghĩa rất quan trọng trong việc phát hiện các khoản tín dụng có chất lượng kém hoặc các dấu hiệu của các khoản nợ có khả năng xảy ra quá hạn từ đó giúp cho công tác ứng phó rủi ro đảm bảo sự kịp thời và đưa ra các biện pháp xử lý nhằm tránh các khoản nợ xấu cho ngân hàng. Tại ngân hàng Á Châu chuyên viên QHKK trực tiếp quản lý khoản cấp tín dụng và định kỳ vài tháng 03 hàng năm, đối với các khoản vay lớn hoặc phát sinh khả năng chậm thanh toán cần thực hiện đánh giá theo yêu cầu của các phê duyệt (hàng quý), chuyên viên khách hàng cần thực hiện thu thập hồ sơ của khách hàng và thực hiện xếp hạng tín dụng, đánh giá năng lực tài chính và khả năng thực hiện nghĩa vụ tài chính theo cam kết tín dụng, báo cáo tình hình sử dụng vốn vay và sự tuân thủ của khách hàng theo nội dung yêu cầu của cấp phê duyệt trong thông báo cấp tín dụng ban đầu.

Định hướng chính sách cho vay và phê duyệt tín dụng

Định hướng chính sách cho vay và phê duyệt tín dụng được Ngân hàng TMCP ACB xây dựng theo thời kỳ dựa trên định hướng kinh doanh, chính sách quản trị rủi ro và tính hình thực hiện cho vay. Nội dung quy định trong định hướng chính sách cấp tín dụng gồm: Các nhóm ngành ưu tiên/nhóm ngành hạn chế và nhóm ngành không thực hiện cấp tín dụng; quy định giới hạn cho vay tối đa trên 01 khách hàng và nhóm khách hàng liên quan không quá 15% vốn tự có của ngân hàng; quy định mức cho vay không tài sản bảo đảm, tỷ lệ cho vay trung dài hạn trên tổng dư nợ tín dụng, tỷ lệ nợ xấu tối đa, tỷ lệ cấp tín dụng tối đa trên một nhóm khách hàng liên quan. Hàng quý, sở có trách nhiệm cập nhật mức vốn tự có và thông tin cần thiết để các đơn vị có căn cứ thực hiện đúng quy định, từ cơ sở đó các đơn vị tính toán và kiểm soát rủi ro trong hoạt động cấp tín dụng tại đơn vị.

Hiện tại, công tác này được ACB thực hiện rất tốt và kết quả được thể hiện là chất lượng khoản vay tại ACB rất tốt tỷ lệ nợ quá hạn và nợ xấu luôn ở mức thấp so với mặt bằng chung.

Phân loại và trích lập dự phòng rủi ro, nợ xấu và quản lý các nợ có vấn đề

Việc phân loại và trích lập dự phòng rủi ro được ACB thực hiện theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/4/2005 do Thống đốc NHNN Việt Nam ban hành về việc "Quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng", Quyết định số 18/2007/QĐ – NHNN ngày 22/4/2005 ban hành về việc “phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng tổ chức tín dụng”.

Tại ACB, các đơn vị quản lý khách hàng phải thực hiện lập và theo dõi danh mục tín dụng thường xuyên đồng thời gửi báo cáo danh mục tín dụng định kỳ lên chuyên viên quản lý nợ hội sở, với chuyên viên quản lý nợ có trách nhiệm đơn đốc các đơn vị báo cáo và kiểm tra đối chiếu kết quả đồng thời lập danh sách các khoản nợ quá hạn, nợ xấu và phối hợp với đơn vị đưa ra các giải pháp xử lý và thực hiện cùng với đơn vị nhằm đảm bảo khả năng thu hồi nợ vay cho ngân hàng, các trường hợp nợ không có khả năng trả thì chuyển bộ phận thu hồi nợ xấu để có phương án xử lý tài sản bảo đảm của khách hàng.

Đối với các khoản phê duyệt tín dụng đã thực hiện giải ngân, đơn vị quản lý khoản vay thực hiện trích lập dự phòng chung và dự phòng rủi ro theo thông tư 02/2013/TT-NHNN và thông tư 09/2014/TT-NHNN dựa trên cơ sở xếp hạng các khoản vay hàng quý.

Bảng 2.9: Tỷ lệ trích lập dự phòng

Nhóm	Loại	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

(Nguồn: Quy trình cho vay và QTRTD tại ACB)

Với mỗi món vay ACB thực hiện trích lập theo tỷ lệ quy định như bảng trên, ngoài ra ACB phải thực hiện mức trích lập tỷ lệ dự phòng chung 0.75% trên tổng dư

nợ cho vay từ nhóm 1 đến nhóm 4.

Đối với các khoản nợ quá hạn phát sinh, chuyên viên QHKH và chuyên viên hỗ trợ tín dụng thực hiện lập bảng theo dõi chi tiết khách hàng quá hạn và báo cáo với bộ phận quản lý và thu hồi nợ tại hội sở. Với các khoản nợ quá hạn nhóm 02, chuyên viên quan hệ khách hàng trực tiếp xử lý đàm phán với khách hàng phung án trả nợ và định kỳ gửi báo cáo cho bộ phận quản lý và thu hồi nợ của hội sở. Với các khoản nợ quá hạn thuộc nhóm 3-5 chuyên viên thu hồi nợ tại hội sở trực tiếp theo dõi và phối hợp với chuyên viên QHKH xử lý khoản nợ quá hạn đó.

Các biện pháp xử lý khoản nợ xấu phát sinh tại ACB đang áp dụng như sau: Bỏ sung tài sản bảo đảm cho khoản vay, cơ cấu lại thời hạn trả nợ nhằm giảm áp lực trả nợ trên mỗi tháng, khoan nợ, giãn nợ, giảm/miễn lãi suất vay, xử lý tài sản đảm bảo, sử dụng quỹ dự phòng rủi ro.

2.2.2.4 Kiểm soát rủi ro tín dụng

Công tác kiểm toán nội bộ

Định kỳ 06 tháng/lần ACB tổ chức kiểm toán tác tín dụng và phi tín dụng trên toàn hệ thống nội bộ Ngân hàng, kết quả của các đợt kiểm toán này đã góp phần đảm bảo an toàn cho hoạt động cho vay của ACB, giúp cho hoạt động của ngân hàng được thực hiện đúng quy định của pháp luật và các quy định nội bộ, từ đó ngăn ngừa được các sai phạm, các rủi ro, tổn thất có thể xảy ra, đồng thời tư vấn cho Ban lãnh đạo ACB trong việc xây dựng các quy chế cũng như quản lý hoạt động tín dụng.

Công tác giám sát sau cho vay

Quy trình kiểm tra sau cho vay tại ACB được thực hiện theo công văn số 1126/2018/QT-ACB/QTRR-QTCV ngày 12/08/2018 do Tổng Giám đốc ACB ban hành về việc “quy trình cho vay và kiểm soát sau giải ngân”. Theo đó, quy định kiểm tra sau cho vay bao gồm kiểm tra mục đích khoản vay và kiểm tra định kỳ khoản vay.

- Kiểm tra mục đích khoản vay: Đối với khoản vay được giải ngân bằng tiền mặt cần thực hiện thực kiểm tra tối đa trong 10 ngày kể từ ngày giải ngân, đối với

khoản giải ngân chuyển khoản được thực hiện trong vòng 30 ngày kể từ ngày thực hiện giải ngân. Chúng tôi thực hiện bao gồm biên bản kiểm tra mục đích sử dụng vốn và chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay.

- Kiểm tra định kỳ khoản vay: Đối với khoản vay ngắn hạn thực hiện kiểm tra định kỳ 03 tháng/lần, đối với khoản vay trung hạn thời gian kiểm tra định kỳ 06 tháng/lần, đối với khoản vay dài hạn kiểm tra tối thiểu 01 lần/năm.

2.3 Nhận xét về quản trị rủi ro tín dụng tại ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu

2.3.1 Kết quả đạt được

2.3.1.1 Ngân hàng TMCP ACB đã xây dựng cơ chế, chính sách cho vay và quản trị rủi ro tín dụng

Kể từ sau biến cố đặc biệt năm 2012 ACB đã rất chú trọng và xây dựng được một hệ thống định hướng chính sách tín dụng và quản trị rủi ro tín dụng nhằm phòng ngừa và kiểm soát rủi ro tín dụng. Hàng năm Ngân hàng ban hành bằng văn bản “định hướng chính sách cho vay và quản trị rủi ro tín dụng” thể hiện các nội dung:

- Định hướng chiến lược, chính sách tín dụng và kế hoạch phát triển tín dụng;
- Quy định giới hạn cấp tín dụng, thẩm quyền phê duyệt tín dụng tại Hội sở;
- Quy định phân loại tài sản bảo đảm, mức cho vay trên tài sản bảo đảm;
- Quy định phân nhóm nợ và mức trích lập dự phòng

Chính sách tín dụng nhằm đáp ứng nhu cầu cấp tín dụng hợp lý của khách hàng và đảm bảo khả năng kiểm soát rủi ro. Đối tượng cho vay của Ngân hàng khá đa dạng gồm: Doanh nghiệp lớn và SME, khách hàng cá nhân, hộ kinh doanh,...Ngân hàng có quy định chính sách ưu đãi giành nhóm khách hàng chiến lược, nhóm ngành nghề ưu tiên cấp tín dụng.

2.3.1.2 Xây dựng bộ phận quản trị rủi ro tín dụng và áp dụng xếp hạng tín dụng định kỳ.

Việc xây dựng bộ phận quản trị rủi ro tín dụng tạo nên sự độc lập chức năng nhiệm vụ giữa các bộ phận, tạo nên sự chuyên biệt hóa, tránh chồng chéo

nhiệm vụ, vừa đảm bảo tính chuyên nghiệp vừa tăng cường khả năng giám sát giữa các chứng năng. Tách biệt độc lập công tác phát triển, quản lý khách hàng và thẩm định đề xuất tín dụng với công tác nghiên cứu ban hành chính sách tín dụng và kiểm soát rủi ro tín dụng. Bộ phận quản trị rủi ro tín dụng đã đóng góp vào sự kiểm soát rủi ro tín dụng tại ACB, cụ thể kết quả được thể hiện thông qua con số, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ xấu của ACB qua các năm qua đều ở mức thấp và có thiên hướng được cải thiện.

Ngân hàng ACB đã xây dựng hệ thống phần mềm chấm điểm tín dụng khách hàng và định kỳ 03 tháng/lần chuyên viên khách hàng phải thực hiện đánh giá xếp hạng tín dụng các khách hàng đang quản lý và gửi báo cáo xếp hạng đến Hội sở. Trong các tiêu chí xếp hạng tín dụng khách hàng, ngoài các tiêu chí tài chính, Ngân hàng đã xây dựng các tiêu chí phi tài chính như: kinh nghiệm kinh doanh của chủ doanh nghiệp, năng lực quản lý của chủ doanh nghiệp, môi trường kinh doanh và tính chất hoạt động của doanh nghiệp, khả năng quản trị tài chính,...Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ hỗ trợ cho công tác phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo quy định của ACB, phản ánh tổng quan và đúng bản chất về khả năng tài chính và chất lượng tín dụng của khách hàng.

2.3.1.3 Cơ cấu tín dụng hợp lý, nợ xấu ở mức thấp

Điều này được thể hiện rõ ràng qua con số trên báo cáo ở bảng 2.5: Cơ cấu theo chất lượng nợ cho vay (nguồn: BCTN ACB 2019). Nợ đủ tiêu chuẩn chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng dư nợ cho vay tương ứng khoảng 98,6% Nợ quá hạn chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ chỉ có 1,4% tổng dư nợ cho vay của Ngân hàng. Nợ xấu chiếm tỷ trọng < 1% tổng dư nợ vay. Đây là mức kiểm soát rất tốt, điều này cho thấy Ngân hàng ACB cơ cấu tín dụng hợp lý và kiểm soát rất tốt nợ vay.

2.3.1.4 Xây dựng và ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản trị

RRTD

Ngân hàng TMCP Á Châu là một trong những ngân hàng tích cực ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao hiệu suất hoạt động của ngân hàng, hơn nữa để thu hút các ý tưởng đột phá ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động

Ngân hàng, hàng năm ngân hàng tổ chức cuộc thi ACB WIN nhằm tìm kiếm các ý tưởng từ trong và ngoài hệ thống ACB. Công tác quản trị rủi ro là nhiệm vụ trọng yếu và sống còn của Ngân hàng, do vậy việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản trị rủi ro là điều mà Ngân hàng ACB chú trọng.

2.3.1.5 Triển khai áp dụng chuẩn Basel II trong quản trị rủi ro tín dụng

Ngân hàng Á Châu là một trong 10 ngân hàng được NHNN phê duyệt áp dụng thí điểm chuẩn Basell. Hiện tại, ngân hàng đã áp dụng chuẩn Basel II vào công tác quản trị rủi ro tại Hội sở và toàn hệ thống.

2.3.2 *Tồn tại và nguyên nhân*

2.3.2.1 Tồn tại trong công tác quản trị rủi ro tại ACB

Tồn tại trong công tác nhận biết rủi ro tín dụng

Trên thực tế từ kết quả kiểm toán tín dụng định kỳ hàng năm của ngân hàng thì tình trạng cho vay sai mục đích, sai quy định cho vay của ngân hàng, cho vay vượt quá giá trị định giá tài sản thế chấp vẫn xảy ra. Cán bộ cố ý làm trái quy trình tín dụng để mưu lợi cho cá nhân, định giá tài sản đảm bảo không đúng giá trị thực tế do trình độ nghiệp vụ kém, có sự thông đồng với khách hàng. Khi ngân hàng thẩm định cho vay thì tài sản đang giá cao, sau đó giá giảm mạnh, khách hàng không trả được nợ, ngân hàng xiết nợ nhưng không bán được do giá quá thấp, không có người mua, tiền bán thu về thấp hơn so với số tiền cho vay.

Tồn tại trong công tác đo lường rủi ro tín dụng

Chất lượng thông tin cung cấp cho khâu phân tích tín dụng của ngân hàng còn nhiều hạn chế: Vấn đề chất lượng thông tin cho phân tích sẽ ảnh hưởng đến kết quả phân tích, nếu chất lượng thông tin bất cập ngân hàng là phải chịu nhiều rủi ro hơn khi nguồn vốn vượt khỏi tầm kiểm soát. Nguồn căn cứ thông tin trong phân tích tín dụng mà Ngân hàng đang áp dụng gồm các nguồn sau: Dữ liệu CIC được cung cấp từ trung tâm tín dụng quốc gia, báo cáo tài chính do khách hàng cung cấp, các nguồn thông tin không chính thức thu thập được và thông tin tìm kiếm từ mạng Internet. Trong đó:

- Thông tin CIC: là dữ liệu được cung cấp từ trung tâm tín dụng Quốc gia, có vậy có độ tin cậy cao và là nguồn thông tin chính thống đã được kiểm duyệt.
- BCTC do khách hàng cung cấp: tính xác thực chưa đủ tin cậy do số liệu kiểm toán còn nhiều mâu thuẫn, độ tin cậy của báo cáo tài chính do khách hàng lập là không cao nên việc sử dụng báo cáo tài chính để chấm điểm xếp loại khách hàng hỗ trợ trong việc ra quyết định tín dụng, giám sát khách hàng là không chính xác, dẫn đến những chọn lựa ngược gây ra rủi ro cho ngân hàng. Về phía ACB, yêu cầu khách hàng cung cấp báo cáo tài chính đã được kiểm toán thì mới cho vay, điều này cũng dẫn đến khả năng bị mất khách hàng..
- Thông tin định tính và giá trị vô hình của Doanh nghiệp: Trên thực tế, các thông tin về chỉ tiêu định tính về khách hàng như năng lực quản trị, điều hành của chủ doanh nghiệp, vị thế cạnh tranh của doanh nghiệp với các đối thủ trong cùng mảng kinh doanh, không được đánh giá đúng thực chất, thông tin về năng lực tài chính của doanh nghiệp chưa có cơ sở tin cậy, các thông tin hỗ trợ trong việc thẩm định dự án, công nghệ máy móc thiết bị, tài sản đảm bảo cũng rất khó khăn để tìm kiếm. Chất lượng thông tin kém đã gây không ít khó khăn trong công tác thẩm định khách hàng và dự án của họ, từ đó ảnh hưởng rất nhiều đến chất lượng tín dụng .

Ngoài ra, ACB cũng chưa chú trọng xây dựng cho mình một hệ thống thu thập thông tin nhất là trong môi trường thông tin vừa thiếu, vừa yếu như hiện nay. Chính vì thế, kết quả xếp hạng khách hàng sẽ bị ảnh hưởng nhiều bởi yếu tố định tính và chủ quan của chuyên viên quan hệ khách hàng.

Tồn tại trong công tác ứng phó rủi ro tín dụng

Sự chú trọng vào tài sản bảo đảm nợ vay: Hiện tại danh mục cho vay của ACB đều chú trọng tài sản bảo đảm, phần lớn các khoản vay tại ACB phải được đảm bảo bằng tài sản bảo đảm và xem yêu cầu để phê duyệt khoản vay và tài sản bảo đảm được coi là biện pháp an toàn khi cho vay. Điều này làm hạn chế việc triển khai triệt để định hướng chính sách tín dụng của Ngân hàng, việc chú trọng tài sản bảo đảm sẽ làm hạn chế danh mục cho vay của khách hàng. Ngoài ra, việc này dẫn đến công tác quản trị, đánh giá, lựa chọn danh mục tài sản đảm bảo theo

cách “có còn hơn không”, điều này dẫn đến hạn chế rất lớn về danh mục tài sản bảo đảm và công tác quản trị rủi ro tại ngân hàng. Hiện tại, phương thức cho vay dựa trên đánh giá dòng tiền của doanh nghiệp đem lại khác nhiều hiệu quả, nhưng không được ACB chú trọng trong khi phương thức này đem lại nhiều lợi thế và giúp ngân hàng gia tăng khả năng quản trị rủi ro, ví dụ: các ngành kinh doanh như hàng tiêu dùng nhanh, thương mại hàng tiêu dùng,... Các doanh nghiệp kinh doanh trong các lĩnh vực này đa phần là doanh nghiệp vừa, doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp siêu nhỏ có hạn chế về tài sản đảm bảo khoản vay nhưng có nhu cầu vốn lớn cho hoạt động kinh doanh thường xuyên. Tuy nhiên, ưu điểm của các ngành kinh doanh này là có dòng tiền luân chuyển rất lớn, thường xuyên và liên tục, điều này mang lại cho Ngân hàng một lượng tiền gửi bình quân ngày rất lớn, ngân hàng có thể quản trị rủi ro tốt trên lượng tiền gửi này và tận dụng nguồn vốn kinh doanh giá rẻ này. Một trong những ngân hàng tận dụng tốt phương án này là techcombank khi mà tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn trên tổng tiền gửi của techcombank năm 2019 khoảng 38%, cao nhất toàn hệ thống.

Tồn tại trong khâu kiểm soát rủi ro tín dụng

Bộ phận kiểm toán nội bộ chưa thực hiện hết vai trò: Một trong các nguyên nhân chính là kiểm toán nội bộ đối với nghiệp vụ tín dụng vẫn chưa thực sự phát huy tác dụng như sau:

- Công tác kiểm toán nội bộ ACB chưa thực sự tương xứng với vai trò, nhiệm vụ, còn rất khác xa với các quy định theo chuẩn mực quốc tế. Thực tế, công tác kiểm toán nội bộ của ACB đang bị nhầm lẫn với công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ, điều này được thể hiện cụ thể:
 - Các văn bản đều không phân biệt rõ các khái niệm kiểm tra, kiểm toán, kiểm soát nội bộ, chưa cụ thể hóa nhiệm vụ, vị trí và quyền hạn của kiểm tra nội bộ và kiểm toán nội bộ trong hệ thống kiểm soát nội bộ. Việc phân định không rõ ràng này dẫn đến hiệu quả hoạt động chưa cao, chưa phù hợp với thông lệ quốc tế trong đó có nguyên tắc rất quan trọng là đảm bảo tính độc lập.
 - Chưa đảm bảo được tính độc lập, khách quan của bộ phận kiểm toán,

thậm chí còn không được phân định rõ ràng với cơ chế kiểm soát gắn với quy trình. Tại điều 4 quyết định số 03/1998/QĐ-NHNN ngày 03/01/1998 do NHNN Việt Nam ban hành về việc quy chế mẫu tổ chức và hoạt động kiểm tra, kiểm toán nội bộ trong các TCTD hoạt động tại Việt Nam quy định cụ thể như sau: “tổ chức bộ máy kiểm tra, kiểm toán nội bộ chuyên trách và các nhân viên làm nhiệm vụ này, độc lập trong hoạt động đối với các đơn vị thành viên. Những người trong bộ máy kiểm tra kiểm toán nội bộ không kiêm nhiệm các công việc khác của TCTD”. Trên thực tế, tính độc lập không được đảm bảo do về nguyên tắc thì các kiểm toán viên ở ACB trực thuộc Tổng Giám đốc ngân hàng TMCP ACB quản lý, nhưng trong thực tế lại thuộc biên chế và thuộc quyền quản lý nhân sự, quỹ lương, thưởng của Giám đốc ACB do sự phụ thuộc đó, nên không thể khách quan, độc lập trong công tác được.

- Phương pháp kiểm tra, kiểm toán đã lạc hậu so với yêu cầu mới: thực hiện kiểm toán theo phương pháp kiểm toán riêng lẻ. Thực hiện theo phương pháp này thì phải xem xét từng chứng từ riêng lẻ, từng khoản tín dụng cụ thể, gắn với trách nhiệm từng nhân viên cụ thể mà chưa phải là việc kiểm toán hệ thống để có cách nhìn tổng quát về quy trình. Với khối lượng rất nhiều các giao dịch nhất là khi tăng quy mô nên tốn kém cả về thời gian và công sức mà hiệu quả chưa cao.
- Cuối cùng, ACB chưa ban hành nội quy tạo tiền đề quan trọng cho khả năng hoạt động của kiểm toán nội bộ. Trong nội quy này, trước hết phải quy định một cách hợp lý và thường xuyên cập nhật về cơ cấu tổ chức và quy trình vận hành cũng như sự phân cấp thẩm quyền. Nội quy này phải giúp cho kiểm toán nội bộ có thể theo đó tiến hành kiểm toán mà không cần một cơ sở gì khác.

Công tác giám sát sau cho vay chưa đạt hiệu quả kỳ vọng của Ngân hàng.

Mặc dù ACB đã ban hành các quy trình, quy định rõ ràng về quy trình kiểm tra, giám sát vốn vay của khách hàng sau giải ngân. Trên thực tế, công tác giám sát sau vay chưa được thực hiện một cách nghiêm túc và đúng quy trình, thường

được thực hiện một cách thụ động khi khách hàng có những dấu hiệu chậm thanh toán và giải quyết theo cách sự vụ để hoàn thiện hồ sơ. Việc giám sát khách hàng vay vốn không tốt sẽ dẫn đến không phát hiện kịp thời việc khách hàng gặp khó khăn trong kinh doanh, sự cố ảnh hưởng đến khả năng hoàn trả nợ vay làm cho ngân hàng có thể chịu nhiều tổn thất hơn.

2.3.2.2 Nguyên nhân dẫn đến những tồn tại trong công tác quản trị rủi ro tại ACB

Nguyên nhân dẫn đến những tồn tại trong công tác nhận biết RRTD

Trình độ, kiến thức của nhân viên còn hạn chế: Hiện tại, ACB có hệ thống đào tạo nghiệp vụ và tổ chức các khóa đào tạo nghiệp vụ cho nhân viên tân tuyển và đào tạo chuyên sâu cho nhân viên có kinh nghiệm, tuy nhiên việc đào tạo vẫn mang tính chất thủ tục và chưa được chú trọng đúng nghĩa. Ngoài ra, việc cạnh tranh mạnh mẽ từ các ngân hàng danh tiếng như BIDV, VCB, Vietinbank cũng làm giảm đáng kể các nhân sự có kinh nghiệm tại ACB, nhân viên mới thường chưa được đào tạo hoặc ít kinh nghiệm dẫn đến những hạn chế trong công tác nhận biết rủi ro tín dụng.

Đạo đức nghề nghiệp của cán bộ nghiệp vụ: Để mưu lợi cho cá nhân, cán bộ tín dụng cố ý làm trái quy trình tín dụng về cho vay và thẩm định khách hàng của Ngân hàng như: định giá tài sản đảm bảo không đúng giá trị thực tế, có sự thông đồng với khách hàng...

Nguyên nhân dẫn đến tồn tại trong công đo lường rủi ro tín dụng

Hệ thống thông tin phòng ngừa rủi ro còn lạc hậu: Ngân hàng TMCP Á Châu chưa xây dựng hệ thống thông tin phòng ngừa rủi ro, các thông tin chủ yếu được khai thác từ CIC và các nguồn thông tin thu thập trên internet. đối với những khách hàng vay vốn, việc phân tích rủi ro tín dụng chỉ dựa vào báo cáo tài chính của khách hàng, về việc này thì khách hàng thường xuyên cung cấp báo cáo tài chính chậm hơn so với quy định và việc cung cấp báo cáo tài chính thực tế đã đi sau việc hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng. Do vậy, công tác phòng ngừa rủi ro mang tính chậm chạp, số liệu báo cáo lạc hậu, không có giá trị phòng ngừa rủi ro.

Theo quy định, khách hàng phải báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh cho ACB theo đúng kỳ hạn như: sau 30 ngày kể từ quý trước đó phải có báo cáo quyết toán quý trước, sau 45 ngày có báo cáo tài chính năm, sau 60 ngày phải cung cấp báo cáo tài chính được kiểm toán, nhưng thực tế hầu hết các khách hàng không tuân thủ đúng quy định và chậm nộp báo cáo, thậm chí không thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính theo quy định. Ngoài ra, việc giám sát về thực hiện quy trình, quy chế của Phòng quản lý rủi ro tại ACB đối với công tác tín dụng chưa được chủ động, thông tin để phòng ngừa rủi ro trong việc đánh giá khoản vay chủ yếu dựa vào các thông tin từ bộ phận tín dụng cung cấp. Bộ phận này chưa thực sự phát huy đúng chức năng của mình trong tuyến phòng ngừa rủi ro, chỉ là người đi sau xem xét và đánh giá khoản vay, không có hiệu quả trong việc phòng ngừa rủi ro.

Nguyên nhân dẫn đến tồn tại trong công tác ứng phó rủi ro tín dụng

Tồn tại này đến từ quan điểm quản trị rủi ro của các lãnh đạo cấp cao trong ngân hàng ACB, các lãnh đạo cấp cao trong ban quản trị và ban điều hành đề cao quan điểm chú trọng tài sản đảm bảo trong các quyết định phê duyệt cho vay tại ACB. Quan điểm quản trị này được hình thành biến cố lớn năm 2012 liên quan đến nhóm cựu lãnh đạo ngân hàng ACB là ông Nguyễn Đức Kiên và một số thành viên chủ chốt của Ngân hàng như ông Lý Xuân Hải, ông Trần Xuân Giá. Từ biến cố 2012 đó đã gây thiệt hại lớn cho ngân hàng và sau đó đã thay quan điểm quản trị rủi ro tín dụng của Ngân hàng ACB.

Nguyên nhân dẫn đến những tồn tại trong công tác kiểm soát rủi ro tín dụng

Trình độ của các kiểm toán viên nội bộ còn nhiều hạn chế. Các kiểm toán viên nội bộ thiếu kiến thức về các kỹ thuật kiểm toán, về việc thu thập và xử lý thông tin cần thiết, đôi khi họ còn thiếu kiến thức không cập nhật được thường xuyên về các hình thức cấp tín dụng của ngân hàng do họ là những nhân viên nội bộ từ các bộ phận khác chuyển sang. Bởi vậy, hoạt động kiểm toán không đem lại kết quả như mong muốn.

Sự sao lãng của cán bộ tín dụng trong việc kiểm tra vốn vay. Theo quy định trong quy trình cho vay và phát hành bảo lãnh do ACB ban hành thì trong vòng 10

ngày sau khi giải ngân bằng tiền mặt, 30 ngày đối với hình thức chuyển khoản phải kiểm tra vốn vay nhưng trên thực tế cán bộ không thực hiện đúng thời gian quy định này mà rất chủ quan, tin tưởng quá mức vào uy tín của khách hàng, không kiểm tra tình hình thực tế cũng như các mục đích sử dụng vốn nên không giám sát được khách hàng.

Việc kiểm tra sau khi giải ngân của ngân hàng phụ thuộc nhiều vào ý thức và trách nhiệm của khách hàng trong việc tiếp tục tuân thủ các điều kiện tín dụng. Khách hàng có hành vi cố ý sử dụng vốn không đúng mục đích, điều này rất khó khăn cho cán bộ trong việc kiểm tra vốn vay.

Trong hình thức cho vay thế chấp bằng kho hàng tại ACB, việc quản lý kho hàng còn lỏng lẻo. Theo quy trình thẩm định tài sản bảo đảm do ACB ban hành đối với khoản cho vay được bảo đảm bằng thế chấp kho hàng, việc định giá tài sản được thực hiện tối đa 30 ngày/lần và theo tính chất của từng mặt hàng. Tuy nhiên, việc thực hiện đánh giá mang tính chất đối phó và không kịp thời dẫn đến thất thoát tài sản, không đủ giá trị tài sản đảm bảo cho khoản vay hiện tại. Nguyên nhân chính là ACB chưa đưa ra chế độ ưu đãi và nghiêm khắc cho nhân viên bảo vệ kho hàng. Ngoài ra, việc giám sát khách hàng không chặt chẽ trong quá trình vay vốn như việc tuân thủ các điều kiện tín dụng như mua bảo hiểm cho tài sản đảm bảo trong suốt quá trình cho vay cũng gây thiệt hại cho ngân hàng, cụ thể vừa qua đã xảy ra sự cố cháy kho hàng cầm quản tại Công ty bóng đèn phíc nước Rạng Đông với tổng kho hàng trị giá vài chục tỷ đồng, trong khi đó công ty thực hiện mua bảo hiểm có 50% giá trị. Qua đó, nhận thấy được trách nhiệm của cán bộ tín dụng chưa cao trong việc giám sát, theo dõi khách hàng tuân thủ các điều kiện tín dụng.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Trong nội dung Chương 2, luận văn đã nghiên cứu về thực trạng quản trị rủi ro tín dụng tại ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu trong giai đoạn 2017-2019, với các nội dung sau đây:

- Giới thiệu tổng quan về ngân hàng TMCP Á Châu
- Khảo sát thực trạng quản trị rủi ro tín dụng tại ngân hàng TMCP Á Châu trên các góc độ khác nhau như nhận diện rủi ro, đo lường rủi ro, ứng phó và kiểm soát khoản vay.
- Đưa ra nhận xét về những kết quả đạt được, những tồn tại, từ đó nêu ra nguyên nhân tồn tại trong công tác quản trị rủi ro tín dụng tại ngân hàng TMCP ACB.

Nội dung nghiên cứu chương 2 sẽ là cơ sở quan trọng để tác giả đề xuất các giải pháp, kiến nghị hoàn thiện công tác quản trị rủi ro tín dụng tại ngân hàng TMCP ACB ở chương 3.

Chương 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

3.1 Định hướng phát triển tín dụng của ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu giai đoạn 2020-2025

3.1.1 Định hướng phát triển tín dụng của ngân hàng TMCP Á Châu trong năm 2020

Các mục tiêu tài chính tín dụng chủ yếu năm 2020 được hội đồng quản trị của ACB đề ra và điều chỉnh vào ngày 20 tháng 3 năm 2020 sau khi đánh giá tình hình dịch bệnh Covid-19 sẽ tác động đến kết quả hoạt động của hệ thống ngân hàng.

Bảng 3.1: Mục tiêu tài chính tín dụng chủ yếu năm 2020

STT	Tiêu chí	Mục tiêu tăng trưởng
1	Tổng tài sản	12%
2	Tiền gửi của khách hàng	12%
3	Tín dụng (theo thông báo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 20 tháng 02 năm 2020)	11.75%
4	Tỷ lệ nợ xấu	Dưới 2%
5	Lợi nhuận trước thuế	7,636 tỷ đồng

(Nguồn: Báo cáo thường niên ACB năm 2019)

3.1.2 Định hướng phát triển tín dụng của ngân hàng TMCP Á Châu trong giai đoạn 2021-2025

Định hướng phát triển tín dụng của ngân hàng TMCP Á Châu giai đoạn 2021-2025, đặt ra mục tiêu tăng trưởng như sau:

Bảng 3.2: Mục tiêu tài chính tín dụng chủ yếu năm 2021-2025

STT	Tiêu chí	Mục tiêu tăng trưởng
1	Tổng tài sản	15%
2	Tiền gửi của khách hàng	15%
3	Tín dụng (theo thông báo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 20 tháng 02 năm 2020)	15%
4	Tỷ lệ nợ xấu	Dưới 2%
5	Lợi nhuận trước thuế	12%-20% mỗi năm

(Nguồn: Báo cáo thường niên ACB năm 2019)

3.2 Một số giải pháp hoàn thiện quản trị rủi ro tín dụng tại ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu

Như đã được trình bày trong nội dung chương 2 các tồn tại trong công tác quản trị rủi ro tại Ngân hàng TMCP ACB và nguyên nhân dẫn đến các tồn tại hạn chế trong công tác quản trị rủi ro tín dụng tại ACB được tổng hợp lại thành các nhóm nguyên nhân sau:

- Nguyên nhân từ chất lượng nhân sự liên quan trực tiếp đến rủi ro tín dụng tại ACB
- Nguyên nhân từ tính tuân thủ quy trình quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng
- Năng lực quản trị điều hành của ban điều hành

Như vậy dưới đây là các giải pháp khuyến nghị giành cho ngân hàng TMCP ACB nhằm giải quyết các tồn tại trong công tác quản trị rủi ro tín dụng tại ngân hàng ACB là:

- Giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực
- Giải pháp nâng cao tính tuân thủ quy trình quản trị rủi ro tín dụng

3.2.1 Giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Trước hết, để nâng cao năng lực quản trị rủi ro tín dụng tại ACB thì cần phải làm cho cán bộ hiểu và nhận thức đủ về bản chất của các loại rủi ro tín dụng mà ngân hàng luôn phải đối mặt, những nguyên nhân gây ra rủi ro, những hậu quả mà rủi ro có thể đưa đến cho ngân hàng, những biện pháp phòng ngừa và hạn chế rủi ro. ACB cần tổ chức các buổi đào tạo chuyên sâu và mời các chuyên gia về pháp lý đến giảng, trao đổi kinh nghiệm trong các tình huống, vụ án liên quan đến lĩnh vực ngân hàng để cán bộ có thêm kinh nghiệm, hiểu thêm về pháp luật.

Thứ hai, phải nâng cao chất lượng chuyên nghiệp của cán bộ cũng như tập trung xây dựng thương hiệu cho ngân hàng với mục tiêu giảm thiểu rủi ro nhân lực và rủi ro hoạt động, cụ thể:

- Nâng cao chất lượng tuyển dụng đầu vào, đảm bảo nhân viên mới tuyển dụng có đủ điều kiện, trình độ và phẩm chất đảm nhiệm công việc được giao.
- Tổ chức đào tạo nội bộ, hướng dẫn về các quy trình nghiệp vụ cho toàn thể cán bộ trong ngân hàng, đặc biệt là các cán bộ tân tuyển bắt buộc phải tham gia đầy đủ các khóa đào tạo từ làm quen môi trường văn hóa làm việc đến đào tạo chuyên sâu về quy trình nghiệp vụ tại ACB. Lãnh đạo phân công cán bộ lâu năm, có kinh nghiệm hướng dẫn, hỗ trợ cán bộ mới.
- Định kỳ (tối thiểu 01 lần/năm), Ngân hàng cần tổ chức các cuộc thi nghiệp vụ chuyên môn, động viên cán bộ tự nghiên cứu, đào tạo nhằm nâng cao chất lượng công tác chuyên môn và rà soát lại trình độ cán bộ làm nghiệp vụ bằng. Đặc biệt là các cán bộ liên quan trực tiếp đến rủi ro tín dụng tại Ngân hàng.
- Đối với cán bộ làm công tác tín dụng, Ngân hàng cần đưa ra chính sách khuyến khích, đãi ngộ hợp lý đảm bảo thu nhập và mức đãi ngộ phải tương xứng với trách nhiệm công việc. Đi đôi với các chế độ đãi ngộ tốt cần thực hiện công tác kiểm soát cán bộ căn cứ vào chất lượng công việc nhằm hạn chế tình trạng lạm dụng quyền hạn để cấp những khoản tín dụng rủi ro.

- Do hoạt động tín dụng liên quan đến nhiều lĩnh vực, nhiều ngành nghề, sản phẩm trong khi đội ngũ cán bộ tín dụng chủ yếu được đào tạo từ các trường kinh tế, kinh nghiệm về các lĩnh vực liên quan đến kỹ thuật bị hạn chế. đòi hỏi cán bộ tín dụng không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, thường xuyên tìm hiểu các ngành nghề, lĩnh vực khác để phục vụ cho hoạt động tín dụng.

Thứ ba, hạn chế rủi ro đạo đức bằng cách gắn trách nhiệm với quyền lợi của cán bộ làm công tác tín dụng, nên có chế độ thưởng phạt rõ ràng do cán bộ tín dụng luôn đối mặt với rủi ro, cần phải có chế độ tiền lương đặc biệt để khuyến khích người làm công tác tín dụng, thường xuyên tuyên truyền, phổ biến tư tưởng cho người làm tín dụng để mọi người hiểu và chấp hành đúng quy trình nghiệp vụ

Thứ tư, chuẩn hóa cán bộ tín dụng: Cán bộ tín dụng có một vai trò rất quan trọng đối với hoạt động của ngân hàng, họ có thể mang lại lợi nhuận cho ngân hàng và cũng có thể đem đến rủi ro cho ngân hàng. Do vậy, để hạn chế rủi ro trong công tác tín dụng ngay từ khâu tuyển dụng cán bộ làm công tác tín dụng cần phải chặt chẽ và cần có một số tiêu chuẩn cơ bản sau:

- Phải được đào tạo chính quy, đúng chuyên ngành ở các trường đại học có uy tín.
- Có khả năng ngoại ngữ, tin học, điều kiện để phục vụ cho việc nghiên cứu tài liệu, giao dịch và sử dụng máy tính trong việc tính toán, thẩm định dự án.
- Có phẩm chất đạo đức, đây chính là tiêu chuẩn quan trọng đối với cán bộ tín dụng, quyết định đến vấn đề rủi ro đạo đức trong kinh doanh.
- Hiểu biết về nhiều lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật, xã hội và có khả năng giao tiếp. đây là các yếu tố giúp cho khách hàng và ngân hàng hiểu nhau hơn, làm cho khách hàng có thiện cảm với ngân hàng, gắn bó với ngân hàng. Với khả năng giao tiếp tốt, cán bộ tín dụng tìm hiểu thêm được nhiều thông tin về khách hàng phục vụ trong xử lý nghiệp vụ.

3.2.2 Các giải pháp nâng cao tính tuân thủ quy trình quản trị rủi ro tín

dụng

Nâng cao trách nhiệm của cán bộ phải đảm bảo làm đúng quy trình

ACB cần nâng cao trách nhiệm của cán bộ tín dụng trong việc tuân thủ đúng quy trình, việc xét duyệt cho vay phải đảm bảo khả năng thu hồi vốn, nâng cao ý thức chủ động trong quá trình giám sát vốn vay từ trước, trong và sau khi cho vay, đặc biệt là khâu sau khi cho vay, phải kiểm tra tình hình sản xuất kinh doanh của khách hàng một cách thường xuyên hay đột xuất, việc kiểm tra giúp cho cán bộ tín dụng đánh giá chính xác tình hình hoạt động của khách hàng

Nâng cao chất lượng thẩm định tín dụng

Với sự phát triển và tăng trưởng của nền kinh tế, quy mô vốn cho vay mỗi hợp đồng tín dụng, mỗi khách hàng ngày càng lớn hơn. Các dự án vay vốn có mục đích đa dạng hơn, lĩnh vực kinh doanh phức tạp hơn, thị trường diễn biến thất thường và tính cạnh tranh cao hơn. Do đó, công tác thẩm định lại càng quan trọng hơn trước khi quyết định cho vay. Việc thẩm định dự án, phương án sản xuất kinh doanh chính là việc đưa ra những nhận định về khả năng trả nợ của khách hàng. Để chất lượng thẩm định dự án, phương án đạt chất lượng cần bố trí những cán bộ có trình độ, kinh nghiệm trong nghiệp vụ tín dụng, thường xuyên tổ chức các buổi thảo luận và khóa học về thẩm định dự án để cập nhật thông tin, cách thức thẩm định dự án.

Dự án vay vốn của khách hàng thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau, cán bộ làm công tác thẩm định cần tham khảo và tìm hiểu các thông tin, dự án cùng lĩnh vực đầu tư để đưa ra các nhận định chính xác. ACB cần áp dụng công nghệ phần mềm để thẩm định dự án, trên cơ sở đó đưa ra kết quả chính xác và nhanh chóng.

Thẩm định dự án đồng thời cũng là tư vấn cho khách hàng trong việc sử dụng vốn làm sao cho đồng vốn phát huy hiệu quả cao nhất. Ngoài ra, trong công tác thẩm định cần tái thẩm định hiệu quả của dự án để từ đó rút ra những kinh nghiệm cho việc thực hiện các dự án sau được tốt hơn.

Nâng cao vai trò và chất lượng công tác kiểm toán nội bộ:

Công tác kiểm tra, kiểm toán nội bộ trong hoạt động tín dụng là một công cụ vô cùng quan trọng, thông qua hoạt động kiểm soát có thể phát hiện, ngăn ngừa và chấn chỉnh những sai sót trong quá trình thực hiện nghiệp vụ tín dụng đồng thời cũng phát hiện, ngăn chặn những rủi ro đạo đức. Nhằm đổi mới, tăng cường hiệu lực của công tác kiểm tra, kiểm toán đáp ứng yêu cầu mới trong hội nhập kinh tế quốc tế, ACB cần:

- Tăng cường những cán bộ có trình độ, có kinh nghiệm trong nghiệp vụ tín dụng
- để bổ sung cho phòng kiểm soát.
- Trong quá trình kiểm tra hoạt động tín dụng có thể tăng cường cán bộ từ bộ phận tín dụng, bộ phận thẩm định và quản lý tín dụng cùng phối hợp kiểm tra.
- ACB cần quy định trách nhiệm đối với cán bộ kiểm soát, có chế độ khuyến khích thưởng phạt để nâng cao tinh thần trách nhiệm trong hoạt động kiểm soát.
- Về lâu dài, để tính độc lập của kiểm toán nội bộ được đảm bảo, ACB cần phải quan tâm một số vấn đề:
 - Trong quá trình đổi mới, về mặt mô hình tổ chức nên bố trí hệ thống kiểm toán nội bộ sao cho đủ điều kiện về quy mô, môi trường, nâng cao được vai trò quản lý ngành của khâu kiểm tra, kiểm soát để tăng khả năng hoạt động độc lập.
 - Nâng cao vị thế của kiểm toán nội bộ theo xu hướng chung, phổ biến của quốc tế, có như vậy mới đủ điều kiện hoàn thành công việc một cách độc lập. Cụ thể là sắp xếp hợp lý về mặt tổ chức, ra các văn bản quy định về trách nhiệm, quyền hạn của kiểm toán viên.

Lựa chọn được những cán bộ thực sự có năng lực, tâm huyết, đồng thời thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng để kiểm toán nội bộ hệ thống đủ sức, đủ tự tin hoạt động độc lập và có hiệu quả.

Xây dựng và khai thác có hiệu quả thông tin trong hoạt động tín dụng

Thông tin đầy đủ, chính xác về khách hàng, về thị trường có vai trò rất quan

trọng trong việc đảm bảo chất lượng cho vay, hạn chế rủi ro. ACB cần thực hiện có hiệu quả các khâu sau đây:

Thu thập thông tin khách hàng: thông tin trong hoạt động tín dụng rất quan trọng, nó ảnh hưởng trực tiếp đến quyết định cho vay. Việc khai thác thông tin khách hàng thường qua báo cáo của khách hàng, chẳng hạn thông tin về tài chính thường dựa trên báo cáo tài chính trong các năm gần nhất của khách hàng. Các báo cáo do khách hàng lập thường không qua kiểm toán, không có cơ quan chức năng xác định tính trung thực của báo cáo. Do vậy, đối với cán bộ ngân hàng, bên cạnh việc thu thập thông tin từ khách hàng cần thu thập thêm thông tin từ các đối tác của khách hàng, từ những ngân hàng mà khách hàng có quan hệ, từ cơ quan quản lý khách hàng, từ trung tâm phòng ngừa rủi ro của NHNN, từ phản ánh của cán bộ nhân viên.

Thu thập thông tin thị trường: khi khách hàng đặt quan hệ tín dụng, bên cạnh khai thác thông tin về khách hàng, cán bộ tín dụng còn phải khai thác thông tin về sản phẩm khách hàng kinh doanh như dự đoán tình hình cung cầu giá cả sản phẩm, tài sản đảm bảo...

Phân tích và xử lý thông tin: Sau khi đã thu thập các nguồn thông tin, cán bộ tín dụng phải sà lọc nguồn thông tin đã thu thập được để phân tích, đánh giá khách hàng, khả năng tài chính của khách hàng, khả năng trả nợ. Trên cơ sở đó ra quyết định cho vay hay từ chối cho vay, đưa ra điều kiện cho vay nhằm hạn chế rủi ro có thể xảy ra.

Nâng cao chất lượng giám sát tín dụng

Cán bộ tín dụng cần tăng cường giám sát mục đích sử dụng vốn vay và các luồng tiền thanh toán của khách hàng bằng cách hạn chế cho vay tiền mặt, chỉ cho vay những khoản bắt buộc như tiền lương, vật tư nhỏ lẻ, đối với vật liệu chính như sắt thép, xi măng... yêu cầu khách hàng vay chuyển khoản, trả thẳng cho người thụ hưởng.

Bên cạnh việc kiểm tra vốn vay, cán bộ tín dụng cần quan tâm đến nguồn tiền thanh toán của khách hàng, yêu cầu khách hàng vận động đối tác mua bán mở tài khoản tại ACB để thực hiện thanh toán bằng chuyển khoản tại ACB không cho rút tiền mặt. Cán bộ tín dụng nên kiểm soát tiền gửi của khách hàng, tránh trường

hợp tiền thanh toán về khách hàng không trả nợ mà sử dụng vào việc khác, khi nợ đến hạn không có khả năng trả nợ. ACB nên áp dụng biện pháp thế chấp nguồn thu và quản lý nguồn thu như là một biện pháp đảm bảo tiền vay, hình thức cho vay có đảm bảo tài sản là nguồn thu.

Trong quá trình giám sát vốn vay, ACB cần có những biện pháp cụ thể để hạn chế tối đa những thiệt hại do khách hàng có những khó khăn về tình hình tài chính, tình hình hoạt động kinh doanh. ACB cần phân tích nguyên nhân nợ quá hạn của từng khách hàng, từ đó có biện pháp tháo gỡ. Đối với những khách hàng có nợ quá hạn có tính chất tạm thời, hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường, ACB cần xem xét khả năng trả nợ và phương án sản xuất kinh doanh trong thời gian tới để quyết định cho vay, việc cho vay bảo đảm thu hồi vốn, giúp khách hàng vượt qua khó khăn và có biện pháp trả nợ. Để thực hiện được việc này, ACB thực hiện cơ cấu lại thời gian trả nợ, căn cứ vào phương án sản xuất kinh doanh và ngành nghề kinh doanh, khách hàng chứng minh được khả năng trả được nợ thì ngân hàng sẽ kéo dài kỳ hạn, điều chỉnh kỳ hạn hay thậm chí hủy bỏ việc trả nợ gốc trong một khoản thời gian. Đồng thời, ACB cần đưa khách hàng vào diện giám sát đặc biệt, cán bộ tín dụng cần phải giám sát chặt chẽ các khoản nợ và hoạt động của khách hàng sau khi cơ cấu. Đối với khách hàng khó khăn tài chính, kinh doanh thua lỗ, khó khắc phục, ACB đưa ra giải pháp khắc phục lỗ, tư vấn và giám sát khách hàng, đề nghị khách hàng đưa ra lộ trình khắc phục với thời gian hoàn thành và phương án kế hoạch trả nợ cụ thể.

Đầu tư nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin hiện đại

Công tác quản trị rủi ro chỉ có thể thành công khi nó được thực hiện trên nền tảng một hệ thống thông tin đáng tin cậy. Chính vì vậy, ACB cần tập trung đầu tư vào công nghệ và xây dựng cho mình một hệ thống thông tin, phần mềm phục vụ cho công tác thẩm định cho vay được hiệu quả, phòng ngừa rủi ro. Nâng cao vai trò và trách nhiệm của Phòng quản lý rủi ro trong tuyến phòng ngừa, trang bị cho họ máy móc thiết bị hiện đại, quyền truy cập mạng và internet để họ phát huy hết chức năng của mình trong việc thẩm định và tái thẩm định khoản vay.

ACB nếu có nguồn thông tin được cập nhật chính xác về khách hàng vay cũng như các thông tin liên quan khác để định giá tài sản thế chấp...thì sẽ có quyết

định cho vay chính xác hơn. Song song với đó, việc kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ tình hình tài chính của khách hàng vay cũng được tiến hành nhằm phát hiện kịp thời, ngăn ngừa rủi ro có thể xảy ra.

Hoàn thiện các tiêu chí chấm điểm, xếp hạng tín dụng

ACB cần xây dựng phương pháp tính toán trong quản trị rủi ro tín dụng, đưa ra các chỉ tiêu phi tài chính một cách chính xác, phù hợp hơn. ACB không nên quá chú trọng vào các chứng chỉ, bằng cấp khi đánh giá năng lực quản trị, điều hành của khách hàng mà phải căn cứ vào lịch sử kinh doanh của khách hàng hay người điều hành dự án. để làm được việc này, ACB cần phải thu thập thông tin từ nhiều phía bằng cách xem xét kỹ lưỡng hồ sơ cá nhân, điều tra thông qua các đối tác, các nguồn dư luận có liên quan. Thông tin về lịch sử tín dụng của khách hàng là rất cần thiết, tuy nhiên không nên lấy đó là điều kiện tiên quyết để ngân hàng đưa ra quyết định cấp tín dụng vì lịch sử tín dụng tốt chưa thể khẳng định rằng quan hệ tín dụng tiếp theo cũng tốt và ngược lại. Bên cạnh lịch sử tín dụng, ngân hàng cần phải xem xét đến các thông tin khác có thể khai thác từ báo cáo tài chính của khách hàng, sổ theo dõi tình hình công nợ, nghĩa vụ nộp thuế... để đảm bảo đánh giá chính xác năng lực tài chính của khách hàng thì cần phải nâng cao trách nhiệm, nghĩa vụ của khách hàng bằng cách ràng buộc nghĩa vụ thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm trong hợp đồng tín dụng. ACB phải đưa vào hợp đồng tín dụng các chỉ tiêu kế hoạch quản lý hoạt động kinh doanh như tỷ lệ hàng tồn kho/tổng tài sản, tỷ lệ khoản phải thu/tổng tài sản, nguồn vốn chủ sở hữu, hệ số tự tài trợ, lợi nhuận/vốn chủ sở hữu, doanh thu, lợi nhuận ước tính cho năm tài chính kế tiếp nhằm mục đích giám sát và đánh giá chính xác hơn về năng lực tài chính cũng như uy tín của khách hàng.

3.3 Kiến nghị

3.3.1 Kiến nghị với Ngân hàng Nhà Nước

Trong quá trình hội nhập như hiện nay, NHNN có vai trò rất quan trọng việc định hướng và phát triển ngành. Chính vì vậy, trong quá trình cải cách, NHNN cần nâng cao tính tự chủ và độc lập trong kinh doanh của các NHTM, hỗ trợ các NHTM trong quá trình phát triển hoạt động kinh doanh sao cho đạt được các mục tiêu xã hội và phù hợp các chuẩn mực quốc tế.

- Để trung tâm CIC hoạt động hiệu quả, NHNN cần đưa ra chế tài nhằm nâng cao trách nhiệm của các ngân hàng trong việc cung cấp thông tin về khách hàng có quan hệ tín dụng một cách kịp thời, đầy đủ và chính xác để các NHTM khác khai thác thông tin, làm cơ sở đánh giá năng lực và uy tín của khách hàng khi họ có nhu cầu vay vốn.
- Để nâng cao chất lượng cán bộ và gìn giữ đội ngũ lãnh đạo cho mục tiêu phát triển và hội nhập, NHNN phải thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ về mục tiêu và định hướng của ngành giúp cán bộ nhận thức và tự có ý thức phải rèn luyện và học tập nâng cao trình độ đáp ứng nhu cầu hội nhập.
- Nhằm giảm bớt lượng giao dịch bằng tiền mặt, NHNN cần có các chính sách khuyến khích trong việc thanh toán bằng chuyển khoản, hỗ trợ các NHTM trong việc kết nối hệ thống ATM thành một hệ thống chung, việc này giúp các NHTM dễ dàng kiểm soát vốn vay, góp phần giảm rủi ro.
- NHNN cần phải xây dựng khuôn khổ pháp lý cho các nghiệp vụ phái sinh như Hợp đồng quyền tín dụng (Credit options), Hợp đồng trao đổi các khoản tín dụng rủi ro tạo ra các sản phẩm cho các NHTM đa dạng hóa danh mục cho vay và danh mục đầu tư.

Để đánh giá đúng mức độ rủi ro các khoản nợ xấu và khắc phục những hạn chế trong việc trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro hiện nay thì NHNN cần đổi mới cách trích lập dự phòng rủi ro, thực hiện trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo phân loại mức độ rủi ro thích hợp gắn với việc đánh giá xếp loại doanh nghiệp chứ không theo thời gian quá hạn trên cơ sở tham khảo và học tập kinh nghiệm quốc tế và vận dụng phù hợp.

Tạo điều kiện và hỗ trợ cho các NHTM trong việc xây dựng mối liên hệ với nhau, giữa các ngân hàng với các định chế tài chính phi ngân hàng và với các định chế tài chính khác, làm được điều này sẽ giúp các ngân hàng có những thông tin quý báu về nhìn nhận đánh giá khách hàng đúng đắn hơn, ngăn ngừa sự ham muốn mưu lợi bất chính của các khách hàng, nâng cao chất lượng thông tin giữa các NHTM với nhau, thống nhất trong một số nghiệp vụ cho vay hay chính sách tín dụng, chính sách lãi suất nhằm giảm bớt sự biến động không nên có trên thị trường tài chính tiền tệ, tạo niềm tin cho khách hàng khi bước chân đến bất kỳ một TCTD nào.

3.3.2 Kiến nghị với các ban ngành có liên quan

Hoạt động kinh doanh tín dụng tại các NHTM không những đảm bảo đạt được những mục tiêu lợi nhuận mà còn phải đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế, xã hội. Chính vì vậy, Chính Phủ và các ban ngành đứng đầu có trách nhiệm định hướng, hỗ trợ hoạt động tín dụng phát triển an toàn và hiệu quả:

- Chính Phủ cần tích cực xây dựng và có các biện pháp khuyến khích việc phát triển các thể chế nhằm hỗ trợ thông tin cho thị trường, nên đưa ra các ưu đãi để phát triển các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ thông tin, tài chính như các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đánh giá xếp hạng doanh nghiệp, định giá tài sản, tư vấn tài chính, kiểm toán. Bên cạnh đó, việc khuyến khích thành lập các hội ngành nghề sẽ tạo sự gắn kết, trao đổi thông tin giữa các doanh nghiệp trong ngành và là cầu nối giữa các doanh nghiệp trong ngành với thị trường bên ngoài trong đó có bên cung ứng vốn như ngân hàng.
- Việc phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quá trình hoạt động và chia sẻ thông tin sẽ giúp cho việc giải quyết các thủ tục hành chính được nhanh gọn, giảm chi phí giao dịch cho doanh nghiệp và ngân hàng. Hiện tại, hoạt động đăng ký giao dịch đảm bảo do thiếu liên kết thông tin và thái độ bất hợp tác của một số cán bộ thừa hành đã làm nản lòng không ít các doanh nghiệp. Vì vậy, các cơ quan hữu quan cần có cơ chế phối hợp cung cấp thông tin để việc đánh giá, ra quyết định tín dụng của ngân hàng được chính xác, tránh lựa chọn ngược ảnh hưởng xấu đến hoạt động ngân hàng.
- Chính phủ cũng cần chú trọng chủ động sự tăng cường phối hợp với NHNN trong việc ban hành các định hướng phù hợp nhất trong việc thực hiện biện pháp xử lý nợ tồn đọng và trích lập dự phòng rủi ro. Qua đó, tạo một khung pháp lý đồng bộ và có hiệu lực cao cho hoạt động phòng ngừa, hạn chế rủi ro tín dụng.
- Chính phủ cần kịp thời phối hợp các ngành liên quan xử lý những vấn đề pháp lý phức tạp trong việc quản lý đất đai, quy hoạch xây dựng, quyền sử dụng đất, những vấn đề vốn có tính đa ngành, liên bộ, có liên quan đến xử lý rủi ro tín dụng

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trong nội dung Chương 3, Trên cơ sở những lí luận cơ bản về rủi ro tín dụng, quản trị rủi ro tín dụng trong Chương 1 cùng với những phân tích, đánh giá thực trạng rủi ro tín dụng cũng như quản trị rủi ro tín dụng của ACB trong Chương 2, và các định hướng trong quản trị rủi ro tín dụng đến năm 2025 của ACB, tác giả đã đưa ra các giải pháp chung và giải pháp cụ thể nhằm tăng cường quản trị rủi ro tín dụng của ACB.

Các giải pháp chung như: hoàn thiện cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro, xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, ứng dụng CNTT trong quản trị rủi ro, hoàn thiện hệ thống thông tin tín dụng.

Các giải pháp cụ thể được đưa ra phù hợp với nội dung quản trị rủi ro tín dụng từ nhận biết rủi ro, đo lường rủi ro tín dụng, ứng phó và kiểm soát rủi ro tín dụng. Sau đó, đề tài đưa ra các kiến nghị, đề xuất với Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước...

KẾT LUẬN

Hoạt động kinh doanh trong cơ chế thị trường của các doanh nghiệp nói chung và NHTM nói riêng đều phải chấp nhận rủi ro, rất ít ngành kinh doanh phải đối mặt với nhiều rủi ro như ngành ngân hàng. Rủi ro nó tồn tại ngoài ý muốn của con người, thường gây ra những hậu quả khó lường cho nên trong thực tế không thể loại trừ được rủi ro ra khỏi môi trường kinh doanh mà chúng ta chỉ có thể phân tích, dự đoán, đo lường và tìm ra các nguyên nhân, giải pháp phòng ngừa, hạn chế sự tác động của rủi ro tới hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

Trong điều kiện ngày nay, ngành ngân hàng đã và đang là một cầu nối giúp chúng ta chủ động, củng cố và nâng cao vị thế trên trường quốc tế. Đồng thời, hoạt động ngân hàng là lĩnh vực kinh doanh ẩn chứa nhiều rủi ro, nhất là rủi ro tín dụng và những rủi ro này gây nên sự bất định không mong đợi đối với các NHTM, và nó có thể gây nên sự đổ vỡ dẫn đến phá sản gây thiệt hại cho nền kinh tế. Nhất là trong bối cảnh vận động của nền kinh tế Việt Nam đang cạnh tranh gay gắt không những ở lĩnh vực ngân hàng mà ở nhiều lĩnh vực khác thì những rủi ro này ngày càng gia tăng và trở nên phức tạp. Thông qua việc nghiên cứu lý luận và thực tiễn quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Á Châu. Để đạt được mục tiêu luận văn đã thực hiện một số nội dung sau:

- Qua việc nghiên cứu các khái niệm và quan điểm theo chuẩn mực quốc tế về quản trị rủi ro tín dụng, luận văn đã hệ thống hóa một số vấn đề chung về quản trị rủi ro tín dụng như: khái niệm và quan điểm về quản trị rủi ro tín dụng tại các NHTM.
- Khảo sát thực trạng quản trị rủi ro tín dụng tại ngân hàng TMCP Á Châu trên các góc độ khác nhau như nhận diện rủi ro, đo lường rủi ro, ứng phó và kiểm soát khoản vay. Đưa ra nhận xét về những kết quả đạt được, những tồn tại, từ đó nêu ra nguyên nhân tồn tại trong công tác quản trị rủi ro tín dụng tại ngân hàng TMCP ACB.
- Trên cơ sở đó, tác giả đã đưa ra các giải pháp chung như: hoàn thiện cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro, xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, ứng dụng CNTT trong quản trị rủi ro, hoàn thiện hệ thống thông tin tín dụng. Các giải pháp cụ thể được đưa ra phù hợp với nội dung quản trị rủi ro tín dụng từ nhận biết rủi ro, đo lường rủi ro tín dụng, ứng

phó và kiểm soát rủi ro tín dụng. Sau đó, đề tài đưa ra các kiến nghị, đề xuất với Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước...

Quản trị rủi ro tín dụng tại ngân hàng là một vấn rộng và hết sức phức tạp, trong quá trình thực hiện luận văn tác giả đã có nhiều cố gắng tham khảo các công trình nghiên cứu có liên quan, dựa trên thực tế công tác quản trị rủi ro tín dụng tại ngân hàng TMCP Á Châu, với sự giúp đỡ của Thầy, Cô hướng dẫn và của lãnh đạo, nhân viên tại ngân hàng TMCP Á Châu. Tuy nhiên, trong điều kiện thời gian nghiên cứu có hạn và giới hạn về kiến thức của bản thân tác giả, nên không tránh khỏi những hạn chế, khiếm khuyết. Xin trân trọng cảm ơn sự giúp đỡ của Thầy, Cô hướng dẫn, bạn bè, đồng nghiệp tại ngân hàng ACB,...Đã có những ý kiến đóng góp và góp ý giúp tác giả hoàn thành luận văn này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Thị Vân Anh, 2014. “ Hạn chế rủi ro cho hệ thống ngân hàng thông qua áp dụng Basel II - nhìn từ kinh nghiệm quốc tế”. Tạp chí Thị trường tài chính tiền tệ, Số 20/2014
- [2] Joel Bessis, 2012. Quản trị rủi ro trong ngân hàng. Hà Nội: NXB Lao động xã hội
- [3] Dương Hữu Hạnh. Quản trị rủi ro trong ngân hàng trong nền kinh tế toàn cầu. Hà Nội: NXB Lao động.
- [4] Đỗ Nhật Linh, 2016. *"Giải pháp nâng cao chất lượng công tác quản trị rủi ro tín dụng tại ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam-khu vực Miền trung Tây Nguyên"*, luận văn thạc sĩ kinh tế - Học viện Ngân hàng.
- [5] Ngân hàng Nhà nước, 2005. Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng. Hà Nội.
- [6] Ngân hàng Nhà Nước, 2007. Quyết định 18/2007/QĐ - NHNN về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Qui định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng ban hành theo Quyết định số 493/2005 - NHNN ngày 22/4/2005 của Thống Đốc ngân hàng Nhà nước. Hà Nội.
- [7] Ngân hàng Nhà Nước, 2013. Thông tư 02/2013/TT-NHNN. quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Hà Nội.
- [8] Ngân hàng Nhà Nước, 2013. Thông tư 12/2013/TT/NHNN: Sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 02/2013/TT/NHNN. Hà Nội.
- [9] Ngân hàng Nhà Nước, 2013. Thông tư 09/2013/TT/NHNN: Sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 02/2013/TT/NHNN. Hà Nội.
- [10] Ngân hàng Nhà Nước, 2014. Thông tư 36/2014/TT-NHNN: Quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tiir chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Hà Nội
- [11] Ngân hàng TMCP Á Châu. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh các năm 2017-2019.

- [12] Lương Thu Phương, 2017. "*Quản trị rủi ro tín dụng tại ngân hàng thương mại cổ phần Quốc Dân (NCB)*", luận văn thạc sĩ kinh tế - đại học kinh tế - đại học quốc gia Hà Nội.
- [13] Peter Rose, 2001. Quản trị ngân hàng thương mại. Hà Nội: NXB Tài chính.
- [14] Quốc Hội, 2004. Luật số 20/2004/QH11 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng. Hà Nội.
- [15] Nguyễn Thu Trâm, 2018. "*Quản trị rủi ro tín dụng tại Sở giao dịch II ngân hàng Công thương Việt Nam*", luận văn thạc sĩ kinh tế - Học viện ngân hàng.
- [16] Nguyễn Văn Tiên, 2013. Giáo trình quản trị ngân hàng thương mại. Hà Nội: Nhà xuất bản Thống Kê.
- [17] Lê Văn Tề, 1997. Tiền tệ - tín dụng và ngân hàng. Hà Nội: NXB Thống kê.
- [18] Lê Văn Tề, 2007. Nghiệp vụ ngân hàng thương mại. Hà Nội: NXB Thống kê.

BẢN CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đã thực hiện việc kiểm tra mức độ tương đồng nội dung luận văn qua phần mềm DoIT một cách trung thực và đạt kết quả mức độ tương đồng 20% toàn bộ nội dung luận văn. Bản luận văn kiểm tra qua phần mềm là bản cứng luận văn đã nộp để bảo vệ trước hội đồng. Nếu sai tôi xin chịu các hình thức kỷ luật theo quy định hiện hành của Học viện.

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2020

HỌC VIÊN CAO HỌC

Vũ Phương Anh



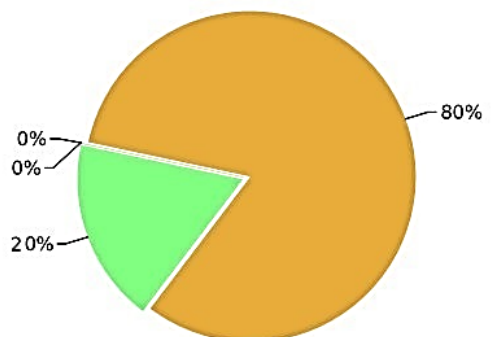
Hệ thống hỗ trợ nâng cao chất lượng tài liệu

KẾT QUẢ KIỂM TRA TRÙNG LẬP TÀI LIỆU

THÔNG TIN TÀI LIỆU

Tác giả	Vu Phuong Anh
Tên tài liệu	LVTS Vu Phuong Anh - check trùng lặp - 14.11.2020
Thời gian kiểm tra	14-11-2020, 21:50:09
Thời gian tạo báo cáo	14-11-2020, 21:51:27

KẾT QUẢ KIỂM TRA TRÙNG LẬP



- Câu (đoạn) người dùng phản hồi
- Phần trăm câu (đoạn) hệ thống không kiểm tra
- Phần trăm câu (đoạn) không trùng lặp
- Phần trăm câu (đoạn) trùng lặp

Điểm	20
Nguồn trùng lặp tiêu biểu	[text.123doc.org, thuvienphapluat.vn, 123doc.org]

(*) Kết quả trùng lặp phụ thuộc vào dữ liệu hệ thống tại thời điểm kiểm tra